



Everpia Vietnam JSC.



NĂM

HAI MƯƠI NĂM KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT
2013**

MỤC LỤC TABLE OF CONTENTS

I GIỚI THIỆU CHUNG	GENERAL INFORMATION	5
Tổng quan công ty	Background	5
Lời chào của Chủ tịch	Chairman's greetings	6
Các hoạt động nổi bật	Key information	7
Lịch hoạt động cổ đông	IR calendar	9
II TỔNG QUAN	BACKGROUND	11
Lịch sử phát triển	Historic milestones	12
Quá trình tăng vốn điều lệ	Charter capital increasing process	12
Hoạt động kinh doanh	Business activities & Brands	14
Chi nhánh và Công ty con	Branches & Subsidiaries	18
Cơ cấu cổ đông	Shareholders structure	20
Cơ cấu tổ chức	Organization structure	22
III BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	BOARD OF MANAGEMENT REPORT	29
Đánh giá tổng quan hoạt động công ty	Business overview	30
Các cuộc họp của HĐQT trong năm	BOM Meetings in 2013	34
IV BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	BOARD OF DIRECTORS REPORT	37
Kết quả hoạt động kinh doanh	Business performance	38
Tình hình tài chính	Financial status	40
V BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	AUDIT COMMITTEE REPORT	45
Giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ năm 2013	Stock transaction of major and internal shareholders	46
Tỷ lệ sở hữu và thù lao của HĐQT và BKS	Rate of ownership and Remuneration of BOM & AC	46
VI BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	SUSTAINABILITY REPORT	49
Môi trường và Năng lượng	Environment and Energy	52
Tăng trưởng kinh tế	Economic development	52
Trách nhiệm xã hội	Social Responsibilities	54
VII ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG	PROSPECT	59
Đánh giá rủi ro	Risk Factors	60
Đánh giá triển vọng năm 2014	Prospect in 2014	62
Đánh giá triển vọng 5 năm	Prospect for the next 5 years	64
VIII BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VÀ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	INDEPENDENT AUDITORS' REPORT AND NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS	67
LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC	NOTE TO READERS	106

- Tên công ty
Company name Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam
Everpia Vietnam Joint Stock Company
- Tên Tiếng Anh
Business name Everpia Vietnam Joint Stock Company
Everpia Vietnam Joint Stock Company
- Tên viết tắt
Short name Everpia Vietnam JSC
Everpia Vietnam JSC
- Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp số
Business license 011033000055
011033000055
- Vốn điều lệ
Charter capital 279,865,180,000 tỷ đồng
VND 279,865,180,000
- Trụ sở chính
Head Office Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
Duong Xa, Gia Lam, Ha Noi
- Điện thoại
Tel (+84-4) 3827 6490
(+84-4) 3827 6490
- Fax
Fax (+84-4) 3678 2030
(+84-4) 3678 2030
- Website
Website www.everpia.vn
www.everpia.vn
- Email
Email info@everpia.vn
info@everpia.vn
- Mã cổ phiếu
Stock code EVE
EVE



GIỚI THIỆU CHUNG GENERAL INFORMATION



Kính thưa Quý cổ đông,

Chúng ta tiếp tục cùng nhau trải qua một năm với nhiều bất ổn và biến động của nền kinh tế. Những điểm sáng mờ nhạt không giúp cải thiện những mảng tối của tồn kho, sức mua yếu, CPI thấp nhất 10 năm, các doanh nghiệp tiếp tục thu hẹp hoặc dừng sản xuất... Trong bức tranh âm ảm đạm này, nhờ những nỗ lực trong điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, sự đồng lòng của CBCNV, sự ủng hộ của khách hàng, EVE nổi bật với doanh thu tăng trưởng 10,3% đạt 750,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 84,9 tỷ đồng, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm 2012.

Năm 2013 đánh dấu cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển của Everpia Việt Nam, ngày 20/12/2013, EVE tròn 20 tuổi. Nhìn lại hành trình 20 năm đã đi qua, Công ty tự hào với những thành quả mà đội ngũ CBCNV nhiều thế hệ đã cùng nhau gây dựng: dẫn đầu trên cả thị trường Chăn – ga – gối – đệm và Bông tằm tại Việt Nam; nguồn lực tài chính vững mạnh; hệ thống phân phối rộng khắp; chất lượng sản phẩm tốt nhất ở mọi phân khúc; quyền lợi và chế độ làm việc tốt nhất cho CBCNV; đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước thông qua nghĩa vụ thuế, các hoạt động từ thiện xã hội; sự hợp tác bền vững, lâu dài trên tinh thần hài hòa lợi ích với các đối tác, nhà cung cấp và các cổ đông.

Hai mươi năm bền vững kiến tạo giá trị, chúng ta có đủ nền tảng để thỏa mãn mọi khát khao chinh phục những đỉnh cao mới. Sản phẩm nội thất Everon Furniture là bước đi đầu tiên hướng tới vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực nội thất phòng ngủ tại Việt Nam. Trong chặng hành trình mới, Everpia Việt Nam sẽ giới thiệu thêm nhiều các sản phẩm chất lượng tốt nhất để khách hàng có thể dừng chân mua sản phẩm tại một điểm là hệ thống đại lý của công ty trên toàn quốc. Vị thế của EVE sẽ được thể hiện bằng các sản phẩm chất lượng quốc tế cùng các dịch vụ chăm sóc hoàn hảo.

Tôi tin rằng với sự đồng hành của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác, Everpia Việt Nam sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu to lớn và ngày càng khẳng định vị thế của mình. Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, cùng 1,077 cán bộ công nhân viên Everpia Việt Nam, xin gửi lời tri ân tới niềm tin của Quý cổ đông đã đặt vào EVE. Chúng tôi đã, đang và sẽ luôn cần sự ủng hộ của Quý vị trên chặng đường phát triển mới nhằm tiếp tục mang lại những giá trị tốt đẹp cho xã hội và cộng đồng.

Tháng 3 năm 2014
Lee Jae Eun
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Hai mươi năm bền vững kiến tạo giá trị, chúng ta có đủ nền tảng để thỏa mãn mọi khát khao chinh phục những đỉnh cao mới.

During the twenty years of sustainable value creation, we have built the foundation to satisfy any ambitious pinnacle.

Dear shareholders,

We have experienced 2013 with continuous economic uncertainties. Some positive signals could not help improve the problems of inventory, weak purchasing power, lowest CPI within 10 subsequent years; firms have or stopped production, etc. In this gloomy picture, thanks to effort of Board of Management, Board of Directors, with the companionship of all reduced and the support of clients, EVE highlighted itself with a growth rate of 10.3% in revenue (VND750.5bil.) and 13.9% in NPAT (VND84.9bil.)

The year 2013 was marked as an important milestone on developing process of Everpia Vietnam. In Dec 20th, 2013, we celebrated 20 years of operation. Looking back at the past years, the Company has been proud of its achievements: leading in both Bedding and Padding business in Vietnam, healthy financial status, extensive distribution system, high quality products in every segment, great employees benefits, positive contribution to the state budget via taxation obligations, social charity activities, sustain cooperation with stakeholders.

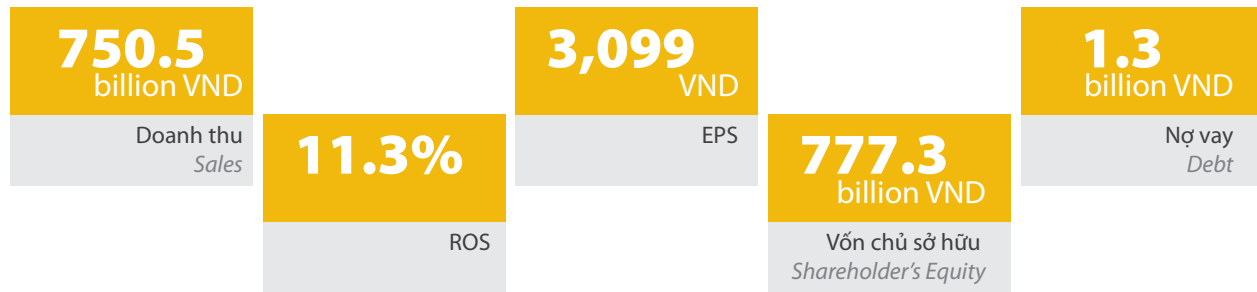
During the twenty years of sustainable value creation, we have built the foundation to satisfy any ambitious pinnacle. Everon Furniture is the first step towards a leading position in Bedroom equipment field in Vietnam. Embraked on the new journey, Everpia Vietnam will introduce more high class products so that customers can do one-stop purchasing at any Company's shops nationwide. EVE's position will be consolidated by international quality products together with excellent after-sales service.

I believe that with the companionship of the shareholders, the partners and customers, Everpia Vietnam will continue to reach great achievements and enhance its position. On behalf of Board of Management, Board of Directors, together with 1,077 employees of EVERPIA Vietnam, I would like to thank to all shareholders for your faith on EVE. We were, we are and we will be always looking forward to your support in this development path, and will then return good values to both social and community.

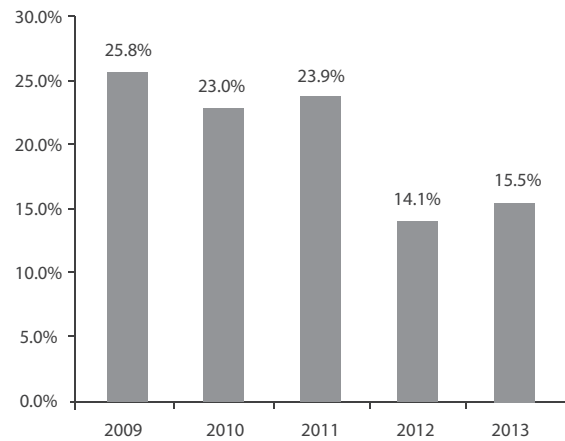
March, 2014
Lee Jae Eun
Chairman of BOM and CEO of Everpia VietNam JSC

CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT / KEY INFORMATION

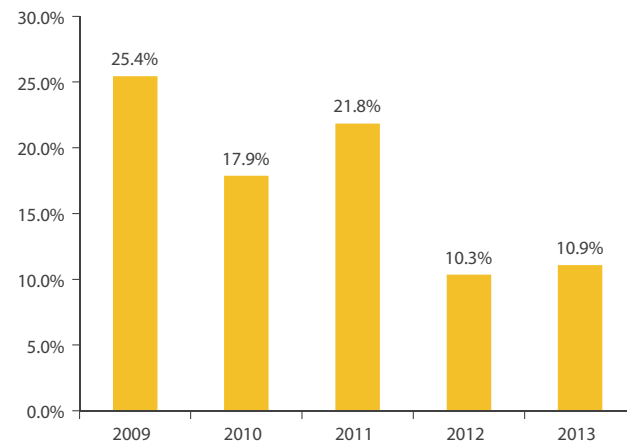
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 / HOW EVERPIA VIETNAM PERFORMED IN 2013



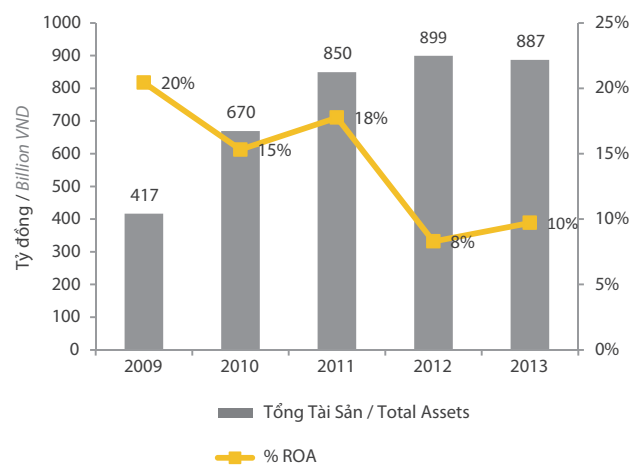
Lợi nhuận trước thuế / Tổng doanh thu
Profit before tax / total sales



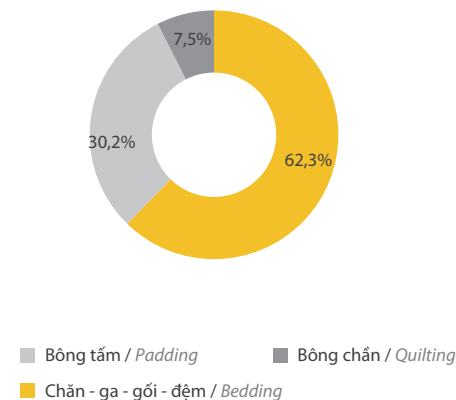
Thu nhập trên vốn cổ phần
Return on Equity



Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản
Profit before tax / Total Assets

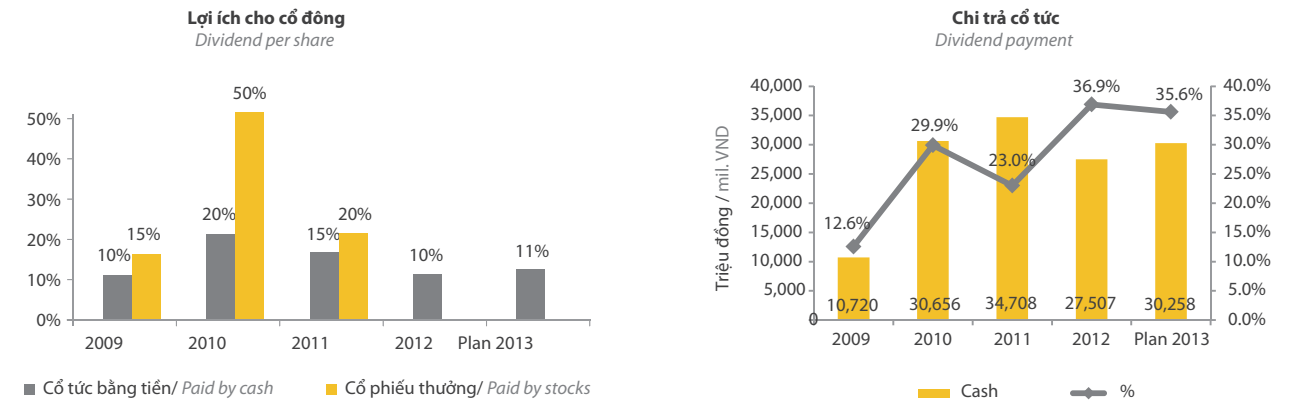


Doanh thu theo dòng sản phẩm 2013
Sales by Business lines 2013



CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT / KEY INFORMATION

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 / HOW EVERPIA VIETNAM PERFORMED IN 2013



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / FINANCIAL HIGHLIGHTS

Hạng mục	Item	2013	2012	2011	2010	2009
Doanh thu & Lợi nhuận:	<i>Sales & Earnings:</i>					
Doanh thu thuần	Net Sales	750.5	680.4	798.7	563.5	423.7
Lợi nhuận từ HĐKD	Operating profit	114.5	93.8	191.9	127.7	109.6
Lợi nhuận trước thuế	Net Profit Before Tax	116.4	96.1	191.1	129.8	109.3
Lợi nhuận sau thuế	Net Profit After Tax	84.9	74.6	150.9	102.5	85.2
Tình hình tài chính tại 31/12/2013:	<i>Financial position at 31st Dec, 2013:</i>					
Tiền và tương đương tiền	Cash & Cash Equivalent	51.4	107.3	119.4	194.8	130.7
Vốn lưu động	Working capital	499.3	428.0	494.5	441.2	240.4
Tổng tài sản	Total assets	886.9	899.3	849.7	669.5	416.8
Tổng nợ	Total liabilities	108.9	177.3	157.0	94.8	80.7
Vốn chủ sở hữu	Shareholder's equity	777.3	720.9	690.5	573.6	334.8
Trên mỗi cổ phiếu:	<i>Per share:</i>					
Số lượng cổ phiếu thời điểm cuối kỳ	Year-end No. of shares	27,986,518	27,986,518	23,401,986	15,327,986	10,720,000
EPS (VND)	EPS (VND)	3,099	3,048	6,443	6,669	7,985

LỊCH HOẠT ĐỘNG CỔ ĐÔNG / IR CALENDAR

- 29/03/2013** Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013
General Shareholders' Meeting
- 25/04/2013** Chốt danh sách nhận cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 10%
Close Shareholders' list for cash dividend by 10%
- 10/05/2013** Chia cổ tức
Dividend distribution
- 03/10/2013** Hội thảo dành cho các Công ty chứng khoán
Analyst Conference Day
- 15/10/2013** Hội thảo dành cho các Quỹ đầu tư
Investors Conference Day



▣ TỔNG QUAN
BACKGROUND

TỔNG QUAN

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1993	1999	2005	2007	2010
Thành lập nhà máy tại Hà Nội	Ra mắt EVERON	Thành lập chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Chuyển đổi sở hữu sang công ty cổ phần	Thành lập chi nhánh nhà máy Hưng Yên
2010	2011	2012	2012	2013
Niêm yết tại HOSE (Mã EVE)	Thành lập chi nhánh nhà máy Đồng Nai	Thành lập Công ty TNHH Everpia Campuchia	Thành lập chi nhánh giao dịch Đà Nẵng	Thành lập Chi nhánh Hòa Bình

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ / INCREASING CHARTER CAPITAL

Trong 8 năm qua, Everpia Việt Nam đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ như sau:
Over the past eight years, Everpia Vietnam has issued shares to increase its share capital as follows:

Thời gian phát hành Issue date	Đối tượng phát hành Description	Số cổ phiếu phát hành Number of new shares	Vốn điều lệ sau phát hành Chapter Capital after the new issues (VND)
06/2007	Quỹ đầu tư mạo hiểm Mirae Asset <i>Mirae Asset Maps Opportunity Vietnam Equity Balanced Fund 1</i>	480,000	52,800,000,000
10/2007	Quỹ đầu tư Dream No.7 / <i>Dream No.7 Investment Partnership</i>	200,000	54,800,000,000
08/2008	Cổ phiếu thưởng tỷ lệ 2:1 / <i>Bonus share rate 2:1</i>	2,740,000	82,200,000,000
06/2009	- CTCP CK Bảo Việt / <i>Bao Viet Securities Company</i> - CTCP Chứng khoán NHNN&PTNT Việt Nam / <i>Agriseco JSC.</i> - Ông Trần Ngọc Bê / <i>Mr. Tran Ngoc Be</i>	2,500,000	107,200,000,000
06/2010	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 15%) / <i>Stock dividend (rate 15%)</i>	1,607,996	123,279,960,000
07/2010	- Quỹ Red River Holdings / <i>Red River Holdings</i> - Quỹ thành viên Việt Nhật / <i>Vietnam Japan Fund</i> - CTCP Quản lý quỹ FPT / <i>FPT Capital</i> - CT TNHH Đầu tư FC / <i>FC Capital</i>	3,000,000	153,279,960,000
07/2011	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 50%) / <i>Stock dividend (rate 50%)</i>	7,663,990	229,919,860,000
11/2011	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV chủ chốt / <i>ESOP</i>	410,000	234,019,860,000
07/2012	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 20%) / <i>Stock dividend (rate 20%)</i>	4,584,532	279,865,180,000

BACKGROUND

HISTORIC MILESTONES

1993	1999	2005	2007	2010
Established Hanoi factory	Launched EVERON	Established Hochiminh Branch	Converted to a joint stock company	Established Hungyen factory
2010	2011	2012	2012	2013
Listed on HOSE (stock code: EVE)	Established Dongnai Factory	Established Everpia Cambodia Co., Ltd.	Established Danang branch	Established Hoabinh branch

Everpia Việt Nam được thành lập từ năm 1993, khởi đầu là công ty chuyên sản xuất nguyên vật liệu cho các công ty may xuất khẩu. Sau 20 năm hoạt động, Công ty đã xây dựng được thương hiệu và hệ thống đại lý phân phối của riêng mình trên toàn quốc với mục tiêu trở thành lựa chọn đầu tiên của khách hàng cho các sản phẩm tại các thị trường mà Công ty hoạt động.

Đến nay, Everpia Việt Nam đã thực sự chứng tỏ vị trí dẫn đầu trong hai ngành hàng chính là Chăn - ga - gối - đệm và Bông tấm (bao gồm cả Chăn gia công). Thị phần của công ty trong ngành hàng chăn ga là 22% và Bông tấm là 31%.

Sau cổ phần hóa năm 2007, tốc độ tăng trưởng góp hàng năm của công ty trung bình đạt 23% về doanh thu và 34% về lợi nhuận. Do nhu cầu sản xuất tăng mạnh, một nhà máy duy nhất đặt tại Dương Xá - Gia Lâm - Hà Nội là không đủ đáp ứng, việc đầu tư mở rộng sản xuất là cấp thiết. Sau 2 lần phát hành cổ phiếu riêng lẻ thành công cho các đối tác chiến lược vào năm 2009 và 2010, Everpia Việt Nam đã có dư vốn để xây dựng thêm nhà máy mới. Năm 2010, Công ty đã hoàn thành việc mua mới nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai. Tháng 7 năm 2011, nhà máy tại Hưng Yên được khởi công xây dựng tới tháng 11 năm 2012 nhà máy đã chính thức đi vào hoạt động. Việc đầu tư mua mới đã nâng tổng công suất công ty lên gấp đôi.

Cuối năm 2010, nhằm mục tiêu nâng cao hơn nữa vị thế của công ty tại thị trường trong nước cũng như xuất khẩu, Everpia Việt Nam bắt đầu niêm yết tại Sàn Giao dịch chứng khoán Tp. HCM với mã giao dịch là EVE.

Everpia Vietnam was established in 1993, and specialized in producing materials for garment export companies. After 20 years of operation, the Company has successfully built its own nationwide brands and distribution network. Everpia Vietnam's objective is to be the customer's first choice for products in the categories offered.

Currently, Everpia Vietnam believes that it has occupied the leading position in two main business lines, Bedding and Padding (including Quilting processing) with wholesale market share of approximately 22% and 31% respectively.

Since converted to a Joint Stock Company in 2007, the Company's average compound annual growth rate has been 23% in revenue and 34% in profit. While production demand increased significantly, one factory in Duong Xa - Gia Lam - Ha Noi was not enough, so the need to expand was imperative. Following two successful private placements in 2009 and 2010, Everpia Vietnam mobilized enough capital to invest in more capacity. In 2010, the Company bought a factory in Bien Hoa I Industrial Zone, Bien Hoa, Dong Nai. In July, 2011, Everpia Vietnam started breaking ground for a new factory in Hung Yen and began operation in November 2012. With these investments, the production capacity of Everpia Vietnam should be doubled.

Aiming to promote the Company's image for both domestic and exportation markets, Everpia Vietnam has been listed on the HOSE since late 2010 with the stock code of EVE.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngành hàng chăn ga



Tuy khởi đầu là công ty chuyên sản xuất Bông tằm, ngành hàng mang lại đa phần lợi nhuận cho Everpia Việt Nam hiện nay là kinh doanh Chăn – ga – gối – đệm. Các dòng thương hiệu của Everpia Việt Nam đáp ứng đa dạng nhu cầu của các đối tượng khách hàng khác nhau bằng những sản phẩm có giá trị sử dụng cao và thiết kế sáng tạo và độc đáo. Everpia Việt Nam tin tưởng rằng, với thương hiệu hàng đầu tại thị trường chăn ga nội địa (Everon), thương hiệu cao cấp sang trọng (Artemis) và các sản phẩm chăn ga thiết kế riêng biệt (Edelin & các dòng sản phẩm chăn ga đặc biệt) đều tạo nên lợi thế cạnh tranh cho Công ty.



Thương hiệu chăn ga đầu tiên có mặt tại thị trường Việt Nam, sau 15 năm có mặt trên thị trường, vẫn luôn là lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng. Lấy cảm hứng từ vạn vật xung

quanh, hai dòng sản phẩm chính Everon Print (vải in) và Everon Solid (vải trơn) đa dạng về màu sắc và kiểu cách. Với chất liệu vải 100% cotton, thiết kế sáng tạo, phù hợp với khí hậu Việt Nam, Everon đã và sẽ luôn duy trì vị trí số một tại thị trường chăn ga.



Mang tên nữ thần sắc đẹp trong truyền thuyết Hi Lạp, dòng sản phẩm cao cấp Artemis thực sự nổi bật với những thiết kế sang trọng, độc

đáo, mang đậm phong cách cổ điển Châu Âu. Chất liệu vải cao cấp được dệt tỉ mỉ công phu, họa tiết tinh tế, trang nhã cùng những phụ kiện đính kèm như dây trang trí, đá, cườm... đã tạo nên những bộ sản phẩm thực sự khác biệt.

Danh mục sản phẩm cung cấp của mỗi thương hiệu đều có đầy đủ chăn, ga, gối, các loại ruột và các loại đệm (đệm bông ép, đệm lò xo, đệm than hoạt tính).



Nhãn hiệu sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm dành cho trẻ em. Sản

phẩm được làm từ chất liệu vải cotton và nhuộm thủ công bằng nguyên liệu tự nhiên nên không gây kích ứng da và tốt cho sức khỏe của bé.



Chính thức có mặt trên thị trường từ tháng 7/2011, dòng sản phẩm Edelin được xây dựng để đáp ứng nhu cầu của

phần khúc khách hàng có thu nhập vừa phải với mong muốn tìm kiếm một thương hiệu mà họ biết và tin tưởng. Edelin đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người tiêu dùng về độ bền, sự thoải mái, và khả năng chi trả khi mua sản phẩm.

BUSINESS ACTIVITIES & BRANDS

Bedding business



Initially specializing in Padding production, the Company launched and developed Bedding business which have become the main activities, generating higher profits. Everpia Vietnam's high-value and well-designed bedding products under various brands address all consumer preferences. Everpia Vietnam believes that going to market with one of the leading brands in the domestic bedding industry (Everon), one of the luxury brands (Artemis), and differentiated specialty bedding offerings (Edelin & special bedding lines) gives the Company a competitive advantage and strengthens the relationships with customers by offering sleep solutions to a broad group of consumers.

Everon: The first bedding brand in Vietnam, it has always been the top choice of consumers during 15 years of operation. Everon products design is inspired by the natural surrounding. The two major product lines, Everon Print (EP) and Everon Solid (ES) offer varied colors and styles. With 100% cotton fabric, reasonable prices, and being highly compatible with Vietnam's climate, Everon will certainly maintain the number one position in the bedding market.

Artemis: Being named after an ancient Greek goddess, Artemis made out of luxury materials really stand out due to its sophisticated and unique designs. The essence of the brand and its collections are revealed in the detailed embellishments inspired by European classical style. High-grade fabric with elaborately-detailed, delicate and elegant embroidery patterns, and attached accessories such as piping, stones, beads, etc. have created the real distinction.

Cutie Everon: The children bedding brand made of cotton and handmade dyed using natural materials to not irritate the skin and good for baby's health.

Edelin: Officially entered the market in July 2011, Edelin products are built to meet the needs of consumers who seek a brand they know and trust. Aimed at satisfying the three fundamental needs when purchasing bedding products – durability, comfortable and affordability – each Edelin product made out of quality and soft fabrics at an affordable price.

Bedding products are available in blankets, bed sheets, pillows, inserts, and various type of mattress (polyester mattress, spring mattress, and charcoal memory foam mattress).

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngành hàng chăn ga

Đệm bông ép: Được làm từ chất liệu bông tấm PE, tạo độ đàn hồi cao và không bị lún, xẹp. Vỏ đệm sử dụng chất liệu vải gấm jacquard nên có độ bền cao và hình thức đẹp. Đệm thông khí tốt, thoát ẩm nhanh, có thể giặt được bằng nước nên đảm bảo an toàn vệ sinh và phù hợp điều kiện thời tiết nóng ẩm ở Việt Nam. Đệm có độ phẳng cao giúp tuần hoàn máu tốt, không gây cong vẹo cột sống, đặc biệt tốt cho trẻ em đang trong quá trình phát triển xương và cơ thể, không gây mệt mỏi sau khi ngủ, giúp lấy lại trạng thái tinh thần sảng khoái sau giấc ngủ. Ngoài ra, đệm có thể gấp gọn lại sử dụng như sofa, nhẹ nhàng và dễ di chuyển.

Đệm lò xo: Được làm từ thép nhập khẩu (thép Carbon – Chất liệu không gỉ) và một hệ thống chống lún trung tâm tạo cảm giác thoải mái cho xương sống. Lò xo của đệm còn có độ xoắn cao và hệ thống gia cố góc. Mặt khác, sản phẩm có lớp vải bọc bằng vải jacquard có khả năng khử mùi và diệt khuẩn bảo đảm vệ sinh cho người sử dụng. Đặc biệt, ưu điểm của sản phẩm là có thể sử dụng được cả 2 mặt: 1 mặt mềm, 1 mặt cứng. Đệm lò xo của Everpia Việt Nam đem lại cho người tiêu dùng cảm giác tận hưởng những giây phút thư giãn trên một chiếc giường thật sự thoải mái. Ba yếu tố “thoải mái”, “chất lượng” và “lâu bền” tạo nên đặc trưng cho sản phẩm đệm lò xo của Everpia Việt Nam.

Đệm và gối than hoạt tính: Là dòng sản phẩm đặc biệt của Công ty. Sản phẩm là sự kết hợp độc đáo giữa sự mềm mại của bông tấm với tính năng khử độc hiệu quả và chống lại tia

hồng ngoại của than hoạt tính. Nhờ vậy, loại đệm này được đánh giá là rất tốt cho sức khỏe của người sử dụng. Than hoạt tính của sản phẩm còn có thể phát tán nhiệt và lan tỏa đều khắp cơ thể, giữ nhiệt độ và độ ẩm cho cơ thể, phòng ngừa, diệt vi khuẩn và có tác dụng khử mùi. Áp lực được trải đều trên toàn bộ vùng tiếp xúc giữa đệm và cơ thể, làm giảm các vị trí gây căng thẳng và các nhu cầu trở mình trong khi ngủ. Các điểm áp lực được giảm đáng kể lên đến 80% là tính năng mà chỉ đệm than hoạt tính mới có. Trần trực là nguyên nhân hàng đầu ảnh hưởng đến chất lượng của giấc ngủ, đây là loại gối và đệm tốt nhất dành cho những người đang trong tình trạng căng thẳng thần kinh và những người đang cần sự chăm sóc tốt cho sức khỏe.

Đệm sóng: Trên nền chất liệu polyester truyền thống, đệm sóng Everon vẫn giữ được các ưu điểm vốn có của đệm Bông ép. Với mặt phía trên tiếp xúc trực tiếp với cơ thể được sản xuất dưới hình lượn sóng, các đỉnh sóng cách đều nhau 5cm giúp giảm áp lực tại các điểm tiếp xúc, tăng cường lưu thông không khí và tiêu tán nhiệt mang đến một không gian ngủ ôn hòa, thoáng đạt. Hàng trăm lớp sóng nhấp nhô tác động độc lập lên từng bộ phận cơ thể cho phép duy trì tư thế ngủ thoải mái, vỗ về nâng đỡ cột sống, giúp tuần hoàn máu, mang lại cảm giác thư giãn sảng khoái như đang được massage. Đệm sóng EVERON đạt tiêu chuẩn Chứng nhận Oeko-Tex 100, đảm bảo sản phẩm thỏa mãn các yêu cầu về sinh thái và con người áp dụng cho các loại xơ, sợi dùng cho trẻ em và người lớn.

Ngành hàng bông tấm

Bông tấm là sản phẩm công nghiệp nhẹ, làm từ xơ polyester, chủ yếu dùng làm lớp giữ nhiệt cho áo jacket. Ít được người tiêu dùng biết tới, nhưng Bông tấm là ngành nghề kinh doanh cơ bản của Everpia Việt Nam trong các năm qua. Nhu cầu về các sản phẩm bông tấm ngày một tăng, do sự gia tăng của các đơn hàng sản xuất áo jacket, cả cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Bên cạnh các sản phẩm có Giấy phép sản xuất độc quyền tại Việt Nam, Công ty còn tự nghiên cứu và phát triển là các dòng sản phẩm bông mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đối tác và khách hàng.

Dexfil: Thương hiệu DEXFIL là sản phẩm bông Low Denier được Everpia Việt Nam nghiên cứu, phát triển và cung cấp trên toàn thế giới, sản phẩm đã được chứng nhận là an toàn và thân thiện với môi trường. Bông Dexfil là loại bông nhẹ và mỏng, có tính năng giữ nhiệt bằng việc lưu giữ không khí tối ưu, duy trì hình dáng ban đầu sau khi giặt, được phát triển trong nước nên có giá thành rẻ hơn rất nhiều so với các sản phẩm Low Denier thông thường khác.

Thermolite: Everpia Việt Nam là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam nhận được chứng chỉ sản xuất độc quyền các sản phẩm bông THERMOLITE của INVISTA, Hoa Kỳ. Sản xuất từ nguyên liệu giữ nhiệt đặc thù của Invista kết hợp giữa xơ sợi Micro và xơ sợi dạng mềm, Thermolite có khả năng giữ ấm hơn tới 30% so với các nguyên liệu giữ nhiệt khác cùng trọng lượng.

BUSINESS ACTIVITIES & BRANDS

Bedding business

Polyeste Mattress: Made of polyester which is resilient, the mattress cover is made of Jacquard brocade which is durable and has an elegant appearance. PE mattress is venti-lated, quick drying, washable and therefore ensures a sanitary condition, suitable for Vietnam's hot and humid weather. The PE mattress has high flatness which is helpful for blood circulation, and is good for spinal protection (especially for growing children). Moreover, because of its 3-piece design, the PE Mattress can be folded to use as a sofa, and is light and easily transportable.

Spring mattress: Made of imported stainless carbon steel and has the centered anti-sagging system which comforts customers' spines. Simultaneously, springs are well-twisted with an angle reinforcement system. In addition, this product is covered by jacquard brocade reducing odor and ensures a sanitary environment for customers. Everon spring mattress can be used on both sides: one hard and one soft. Everpia Vietnam's spring mattress offers a commitment to help people enjoys the pleasures of life on truly comfortable bedding. It is characterized by a true feeling that is synonymous with "comfort", "quality", and "durable".

Charcoal memory foam mattress and pillows: This is a special category which combines the softness of padding with the effective sterilization of activated charcoal. Charcoal of this mattress can maintain heat through out the entire body, kills bacterias and reduces odor. Everpia Vietnam offers good quality memory foam mattresses distribute body weight evenly, like having billions of little springs supporting the body. As the body weight is spread on the mattress, it diminishes stress and the need to change positions when asleep. Pressure points are significantly reduced, up to 80%, which only memory foam can provide. Tossing and turning is the leading cause of a poor night's sleep which is drastically reduced with a memory foam mattress. This is the best choice for people who have health issues or stress.

Wave mattress: Made of traditional polyester materials, Everon wave mattress still keeps the advantages of PE mattress. The upper surface wave interacting directly with the body and the distance between the waves is at 5 cm equally that help to reduce pressure at the interacting points and increase air ventilation to allow comfortable sleep. Hundreds of wave lines having independent impacts onto the parts of the body that bring convenient sleeping positions and helps blood circulation. Everon wave mattress meet the Oeko-Tex Standard 100 ensuring products meet the requirements of human ecology applied to the fibers used for childrens and adults.

Padding business

Padding is made out of polyester staple fiber and is used as jacket filler. Although Padding is a light industrial manufacturing product and has not been well-known by consumers, demand for padding has been increasing, driven by Vietnam jacket production and export as Vietnam enjoys undeniable competitive advantages in garment and textile production. The Company not only has exclusive licenses but also has researched and developed new products to meet the increasing requirements of its customers.



Dexfil: the Low Denier padding under the brand name DEXFIL, researched & developed and offered worldwide by Everpia Vietnam, has been certified as a safe and environmentally-friendly product. Dexfil is light and thin, has the ability to retain warmth by optimum air retention, and keeps its original shape after washing. Due to being locally produced and developed, it costs less than other Low Denier padding.

Thermolite: Everpia Vietnam is the only enterprise in Vietnam which has received an exclusive production license for THERMOLITE of INVISTA, US. Made of Invista's proprietary materials, which are a combination of Micro and soft fibers, this padding can retain warmth 30% better than other thermal materials of the same weight.

TỔNG QUAN

CHI NHÁNH VÀ CÔNG TY CON / BRANCHES & SUBSIDIARIES

Danh sách nhà máy / Manufacturing sites

Everpia Việt Nam hiện có 3 nhà máy sản xuất (Hà Nội, Hưng Yên và Đồng Nai) cung cấp các sản phẩm của công ty trên toàn quốc. Hoạt động của nhà máy tại Hà Nội chủ yếu là sản xuất bông tẩm và bông chần, còn nhà máy tại Hưng Yên sản xuất các sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm.

Everpia Vietnam has three manufacturing plants (one in Hanoi, Hungyen, and the other in Dongnai) which distribute products across the country. The manufacturing operations in Ha Noi consist of padding and quilting, and the factory in Hung Yen deals with all kind of bedding items.

Nhà máy Manufacturing sites	Số lượng trang thiết bị máy móc Equipment	Số lượng CBCNV Number of Employees
Nhà máy Hà Nội Ha Noi Factory Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội Duong Xa, Gia Lam, Ha Noi Diện tích: 15,000sqm Factory size: 15,000sqm Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Bông tẩm Main activities: Padding business Công suất hoạt động: 15 triệu yards Bông tẩm Production capacity: 15 million yards of padding Tel: (84-4) 3827 6490 Tel: (84-4) 3827 6490 Fax: (84-4) 3827 6492 Fax: (84-4) 3827 6492	<ul style="list-style-type: none"> - 03 dây chuyền sản xuất bông tẩm. - 03 Padding Production lines. - 05 máy đánh suốt. - 05 Shuttle machines. - 21 máy chần - 21 Quilting machines. - 01 dây chuyền sản xuất đệm lò xo - 01 Spring mattress production line - 01 dây chuyền ép méch - 01 Bonding lines 	135 CBCNV 135 employees: - 11 lao động gián tiếp - 12 officers. - 123 lao động trực tiếp - 123 workers.
Nhà máy Hưng Yên Hung Yen Factory Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên Tan Quang - Van Lam - Hung Yen Diện tích: 17,670sqm Factory size: 17,670sqm Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Chăn – ga – gối – đệm Main activities: Bedding business Công suất hoạt động: 5 triệu sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm Production capacity: million bedding items Tel: (84-321) 3791 777 Tel: (84-321) 3791 777 Fax: (84-321) 3791 999 Fax: (84-321) 3791 999	<ul style="list-style-type: none"> - 01 dây chuyền sản xuất ruột chần - 01 Quilt insert (No-resin) production line - 01 dây chuyền sản xuất đệm bông ép - 01 PE mattress production line - 01 máy thổi ruột gối - 01 Pillow blowing machine - 02 máy suốt chỉ - 02 Shuttle machines - 07 máy chần chần - 07 One-head quilting machines - 10 máy thêu - 10 Embroidery machines - 15 máy chần - 15 Quilting machines - 228 máy may - 228 Sewing machines 	549 CBCNV 549 employees - 119 lao động gián tiếp - 119 officers. - 430 lao động trực tiếp - 430 workers
Nhà máy Đồng Nai Dong Nai Factory Lô 4, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai Lot 4, Bien Hoa 1 Industrial park, Bien Hoa, Dong Nai Diện tích: 37,762sqm Factory size: 37,762sqm Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Bông tẩm, Chăn – ga – gối – đệm Main activities: Padding & Bedding business Công suất sản xuất: 15 triệu yard Bông tẩm & 2 triệu sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm Production capacity: 15 million yards padding & 2 million bedding item Tel: (84-61) 8869 161 Tel: (84-61) 8869 161 Fax: (84-61) 8869 151 Fax: (84-61) 8869 151	<ul style="list-style-type: none"> - 01 dây chuyền sản xuất đệm - 01 PE mattress production lines - 01 dây chuyền sản xuất ruột chần - 01 Quilt insert (No-resin) production line - 01 dây chuyền sản xuất đệm lò xo - 01 Spring mattress production line - 02 dây chuyền sản xuất bông - 02 Padding Production lines - 06 máy thêu - 06 Embroidery machines - 07 máy chần chần - 07 One-head quilting machines - 07 máy suốt chỉ - 07 Shuttle machines - 18 máy chần - 18 Quilting machines - 144 máy may - 144 Sewing machines 	393 CBCNV 393 employees - 79 lao động gián tiếp - 79 officers. - 314 lao động trực tiếp - 314 workers.

BACKGROUND

CHI NHÁNH VÀ CÔNG TY CON / BRANCHES & SUBSIDIARIES

Chi nhánh giao dịch / Trading Branches

Chi nhánh giao dịch Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 85 đường An Dương Vương, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
Diện tích: 107m²
Tel: (84-8) 6261 2078
Fax: (84-8) 6261 1541

Hochiminh trading branch

Address: 85 An Duong Vuong street, Ward 8, District 5, Hochiminh City
Showroom size: 107sqm
Tel: (84-8) 6261 2078
Fax: (84-8) 6261 1541

Chi nhánh giao dịch Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 379-381 đường Ông Ích Khiêm, phường Hải châu 2, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Diện tích: 356m²
Tel: (84-51) 1381 5579
Fax: (84-51) 1381 5679

Danang trading branch

Address: No. 379-381 Ong Ich Khiem street, Hai Chau 2 ward, Hai Chau district, Da Nang City
Showroom size: 356sqm
Tel: (84-51) 1381 5579
Fax: (84-51) 1381 5679

Chi nhánh giao dịch Hòa Bình

Địa chỉ: Xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Diện tích: 7,035m²

Hoabinh trading branch

Address: Lam Son commune, Luong Son district, Hoa Binh province
Land size: 7.035sqm

Danh sách công ty con / Subsidiaries

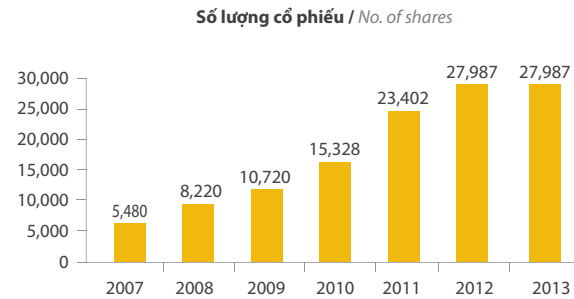
STT No.	Tên công ty Subsidiary	Ngành nghề Business scope	Vốn điều lệ Charter Capital	Tỷ lệ sở hữu của Everpia Việt Nam Percentage of ownership	Địa chỉ Address
1	Công ty cổ phần Mattpia Việt Nam Mattpia Vietnam Joint Stock Company	Nhập khẩu các nguyên vật liệu để sản xuất các loại nệm và sản phẩm liên quan. Import materials for production of mattress and related items	9,600,000,000	58%	Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên
2	Công ty TNHH Everpia Cambodia Everpia Cambodia Company Limited	Thực hiện quyền phân phối và xuất nhập khẩu các sản phẩm vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi sách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Campuchia Trading and Im-exporting non-woven fabric, filter cloth, felt, blanket, bed cover, pillow, mattress, sleeping bag, kit-bag, handbag, underwear and other garment products in accordance to Cambodia regulation.	10,000,000,000	100%	Monivong Blvd, St. 360, Phnom Penh, Cambodia

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG / SHAREHOLDER STRUCTURE

Cổ phần / Shares

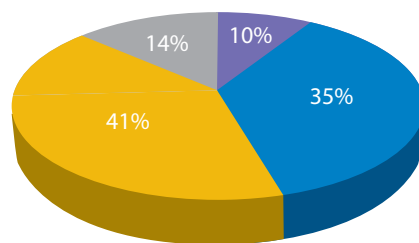
Trong năm Công ty không tiến hành chi trả cổ tức 2012 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, do đó tổng số cổ phần đang lưu hành của công ty năm 2013 vẫn là 27.986.518 cổ phần. Tất cả các cổ phần này đều là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

There was no stock dividend from 2012 NPAT, hence the number of EVE's outstanding shares was still at 27,986,518 shares. All of these share are unrestricted ordinary shares.

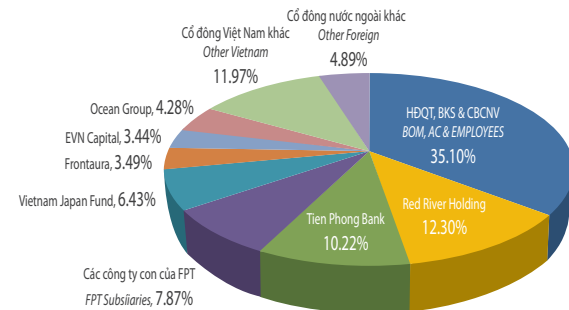


Cơ cấu cổ đông / Shareholder Structure

Tỷ lệ sở hữu / Rate of ownership



- Cổ đông lớn trong nước / Major local shareholders
- Cổ đông lớn nước ngoài / Major foreign shareholders
- Cổ đông khác trong nước / Other local shareholders
- Cổ đông khác nước ngoài / Other foreign shareholders



Cơ cấu cổ đông là cổ đông lớn và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

Major Shareholders and Professional Securities Investors

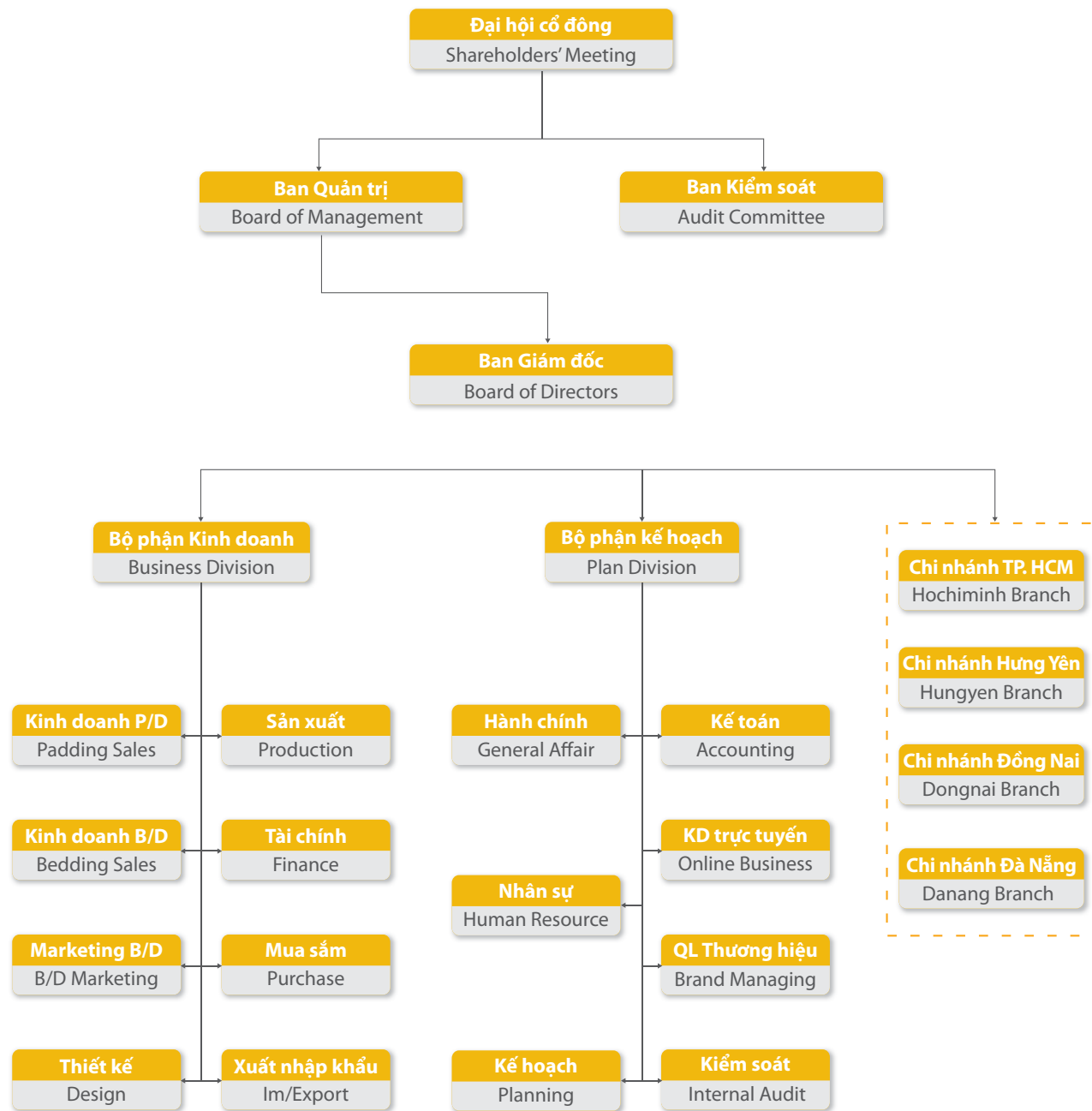
STT No.	Đối tượng Type	Số lượng cổ phiếu No. of share	Tỷ lệ sở hữu (%) Rate of ownership	Số lượng cổ đông No. of shareholders	Cơ cấu cổ đông / Shareholder structure	
					Tổ chức Institution	Cá nhân Individual
2	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN Non-professional major shareholder - Trong nước / Local - Nước ngoài / Foreign	4,471,200	15.98%	1	0	1
		0	0.00%	0	0	0
		4,471,200	15.98%	1	0	1
3	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên Professional major shareholder - Trong nước / Local - Nước ngoài / Foreign	8,103,805	28.96%	3	3	0
		2,860,405	10.22%	1	1	0
		5,243,400	18.74%	2	2	0
4	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% vốn CP Other professional shareholders - Trong nước / Local - Nước ngoài / Foreign	6,522,822	23.31%	26	26	0
		4,367,020	15.60%	17	17	0
		2,155,802	7.70%	9	9	0
TỔNG CỘNG / TOTAL		19,097,827	68.24%	30	29	1

Loại hình sở hữu / Type of ownership

Đối tượng Type	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng No. of restricted shares	Số lượng CP chuyển nhượng tự do No. of unrestricted shares	Tổng cộng Total	Tỷ lệ sở hữu Rate (%)
I. Cổ đông đặc biệt Special shareholders	0	5,106,960	5,106,960	18.25%
1. Hội đồng quản trị Board of Management	0	4,768,170	4,768,170	17.04%
2. Ban Giám đốc Board of Director	0	4,768,170	4,768,170	17.04%
3. Ban Kiểm soát Audit Committee	0	12,420	12,420	0.04%
4. Giám đốc Tài chính CFO	0	3,730	3,730	0.01%
5. Kế toán trưởng Chief Accountant	0	2,400	2,400	0.01%
6. Người được ủy quyền CBTT Authorized for disclosure of information	0	320,240	320,240	1.14%
II. Cổ phiếu quỹ Treasury shares	0	479,300	479,300	1.71%
III. Công đoàn công ty Union	0	0	0	0.00%
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi Shareholders owning preferred shares	0	0	0	0.00%
V. Cổ đông khác Other shareholders	0	0	0	0.00%
1. Trong nước Local	0	13,446,769	13,446,769	48.05%
1.1 Cá nhân Individual	0	6,219,344	6,219,344	22.22%
1.2 Tổ chức Institution	0	7,227,425	7,227,425	25.82%
Trong đó nhà nước State	0	0	0	0.00%
2. Nước ngoài Foreign	0	8,953,489	8,953,489	31.99%
2.1 Cá nhân Individual	0	1,554,287	1,554,287	5.55%
2.2 Tổ chức Institution	0	7,399,202	7,399,202	26.44%
TỔNG CỘNG TOTAL	0	27,986,518	27,986,518	100.00%

Ghi chú: Toàn bộ Ban Giám đốc đều thuộc Hội đồng Quản trị
Note: All BOD members are also BOM members

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC / ORGANIZATION CHART



CƠ CẤU TỔ CHỨC / ORGANIZATION STRUCTURE

Hội đồng quản trị / Board of Management



Ông Lee Jae Eun

Quốc tịch: Hàn Quốc
 Bằng cấp: Cử nhân Kinh tế trường ĐH Sung Kyun Kwan

Là người sáng lập và trực tiếp điều hành, Ông đã đưa Everpia Việt Nam trở thành một trong 20 công ty Hàn Quốc có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tốt nhất tại Việt Nam, một trong 50 doanh nghiệp niêm yết kinh doanh hiệu quả nhất. Trước khi sáng lập EVE, ông từng có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Đầu tư tại Hàn Quốc.

Mr. Lee Jae Eun

Nationality: Korean
 Bachelor of Economics at Sung Kyun Kwan University

As the founder and executive director, he has led Everpia Vietnam to become one of 20 South Korean companies having the best business results in Vietnam, Vietnam's 50 TOP performing listed companies. Before founding Everpia Vietnam, he had over 20 years experience in Investment and Finance in South Korea.



Ông Cho Yong Hwan

Quốc tịch: Hàn Quốc
 Bằng cấp: Cử nhân Công nghệ Hóa học Polymer tại trường ĐH Quốc gia Kyungbook

Với kiến thức sâu rộng về hóa chất tổng hợp – Polymer, ông đã góp phần rất lớn trong việc cho ra mắt thương hiệu chăn ga hàng đầu Việt Nam – Everon. Trực tiếp điều hành bộ phận Kế hoạch và Marketing, ông đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh. Dưới sự chỉ đạo của ông, sự minh bạch, tính sáng tạo, tinh thần đoàn kết đã được xây dựng như một nét văn hóa doanh nghiệp.

Mr. Cho Yong Hwan

Nationality: Korean
 Bachelor of Polymer Science at Kyungbook National University

Having a thorough knowledge of polymer science, he is the founder of EVERON – the most famous bedding brand in Vietnam. He is currently in charge of the Planning & Marketing Division, playing an important role in shaping and expanding business activities. Under his direction, transparency, creativity, and solidarity have been built as a cultural centerpiece of the Company.

CƠ CẤU TỔ CHỨC / ORGANIZATION STRUCTURE

Hội đồng quản trị / Board of Management



Ông Nguyễn Văn Đào

Quốc tịch: Việt Nam
 Bằng cấp: Kỹ sư ngành Thăm dò khoáng sản trường Chung Jin – Bắc Triều Tiên

Am hiểu hai nền văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc, ông như chiếc cầu nối giữa lãnh đạo Hàn Quốc và nhân viên Việt Nam. Trực tiếp điều hành khối Hành chính – Nhân sự, ông góp phần gây dựng một Everpia đoàn kết và thịnh vượng.

Mr. Nguyen Van Dao

Nationality: Vietnamese
 Bachelor of Mineral & Metal Science at Chung Jin University

Deeply understanding both Korean and Vietnamese culture, he is the connection between Korean management and Vietnamese employees. He currently heads the Human Resources & General Affairs Department, helping to build a united and prosperous Everpia Vietnam.



Ông Lee Je Won

Quốc tịch: Hàn Quốc
 Bằng cấp: Cử nhân Hành chính đại học Hanyang

Dưới sự điều hành của ông, các hoạt động kinh doanh của công ty tại thị trường miền Nam đã không ngừng tăng trưởng trong suốt 9 năm qua. Tại thị trường vốn là thế mạnh kinh doanh của các đối thủ lớn, cả hai ngành hàng Chăn – ga – gối – đệm và Bông tấm đã không ngừng phát triển, đóng góp một giá trị lớn vào doanh thu toàn công ty.

Mr. Lee Je Won

Nationality: Korean
 Bachelor of Public Administration at Hanyang University

Under his management, the Company's business activities have grown continuously over the last 9 years. Although operating in a market with major competitors, the both Padding and Bedding business have been constantly expanding and contributing greatly to the sales value of the Company.

CƠ CẤU TỔ CHỨC / ORGANIZATION STRUCTURE

Hội đồng quản trị / Board of Management



Bà Lê Thị Thu Hiền

Quốc tịch: Việt Nam
 Bằng cấp: Chứng chỉ sau đại học Fulbright - trường Kinh doanh Harvard. Cử nhân Tín dụng – Học viện Ngân hàng.

Với hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, trong đó 10 năm tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam với tư cách là chuyên gia tư vấn và điều hành công ty chứng khoán, bà đã hỗ trợ rất lớn trong hoạt động Quan hệ nhà đầu tư và nâng cao hình ảnh Everpia Việt Nam trên thị trường tài chính trong nước.

Ms. Le Thi Thu Hien

Nationality: Vietnamese
 Postgraduate of Program Fulbright Economic Teaching
 Bachelor of Finance and Banking at Banking Academy

With over 15 years of experience in the Banking and Securities industry, of which 10 years were spent working as a consultant in Vietnam's Stock Market, she has provided great support to the Company in Investor Relations, which has helped to improve the image of Everpia Vietnam in the domestic financial market.



Ông Ngô Phương Chí

Quốc tịch: Việt Nam
 Bằng cấp: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính quốc tế, ĐH Hitotsubashi, Tokyo, Nhật bản

Từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các tổ chức tài chính chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, Ông Chí là người đóng vai trò rất lớn trong các hoạt động liên quan đến tài chính của công ty, đặc biệt là trong các dự án đầu tư tài chính và huy động vốn.

Mr. Ngo Phuong Chi

Nationality: Vietnamese
 Master in International Finance, Hitotsubashi, Tokyo, Japan

Having held important positions in leading financial and securities institutions in Vietnam, Mr. Chi plays an important role in the financial activities of Everpia Vietnam, especially in financial investment and funding.



Ông Jean Charles Belliol

Quốc tịch: Pháp
 Bằng cấp: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, trường Quản trị kinh doanh Pháp

Với kinh nghiệm làm việc tại các Ngân hàng & Quỹ đầu tư lớn, ông đã đóng góp rất nhiều lời khuyên hữu ích cho Công ty trong việc mở rộng hệ thống phân phối trong nước và xuất khẩu, tăng cường hoạt động quản lý cũng như giám sát đầu tư. Ông hiện còn là Thành viên HĐQT Tập đoàn FPT và Công ty Quốc tế Trí Tín

Mr. Jean Charles Belliol

Nationality: French
 Master of Business Administration from French Business School

His experience in working with financial institutions positions him to provide expert advice regarding expansion of distribution networks in domestic and export markets, enhancing management activities as well as investment supervision. He is BOM member of FPT Corporation and Tri Tin International Company

CƠ CẤU TỔ CHỨC / ORGANIZATION STRUCTURE

Ban Kiểm soát / Audit committee

Ông Hong Sun làm thành viên Ban Kiểm soát thay thế ông Kim Byoung Tak từ tháng 4/2013 theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông được tổ chức ngày 29/3/2013.

Mr. Hong Sun has started his position in Audit Committee, replaced for Mr. Kim Byoung Tak since April 2013 by Resolution of General Shareholders' Meeting held on March 29th 2013.



Trương Tuấn Nghĩa

Quốc tịch: Việt Nam
 Bằng cấp: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng trường Paris Dauphine

Ông có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính và Đầu tư. Với kiến thức chuyên sâu về kế toán và kiểm toán, ông đã áp dụng những kiến thức và kinh nghiệm của mình trong việc xây dựng, điều hành và kiểm soát các hoạt động của công ty.

Trương Tuấn Nghĩa

Nationality: Vietnamese
 Master in Finance and Banking, Paris Dauphine

He has over 10 years of experience in Finance and Investment. With deep knowledge of accounting and auditing, he has applied his knowledge and experience in setting up, operating, and controlling the Company's activities.



Suh Seung Chul

Quốc tịch: Hàn Quốc
 Bằng cấp: Cử nhân Quản trị Kinh doanh trường ĐH Seo Kang

Ông đã giữ vai trò là thành viên Ban kiểm soát của công ty từ những ngày đầu tiên là công ty cổ phần – 2007.

Suh Seung Chul

Nationality: Korean
 Bachelor of Business Administration, Seo Kang University

He was appointed a member of the Audit Committee of Everpia Vietnam when it became a Joint Stock Company



Hong Sun

Quốc tịch: Hàn Quốc
 Bằng cấp: Cử nhân Luật Thương mại và Đầu tư – Đại học Luật Tp.Hồ Chí Minh

Với vai trò là Tổng thư ký phòng Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Hàn Quốc tại Việt Nam, bên cạnh việc kiểm soát các hoạt động của công ty ông còn hỗ trợ rất nhiều cho công ty trong việc kết nối với các công ty Hàn Quốc tại Việt Nam, mở ra các cơ hội hợp tác và hỗ trợ trong các hoạt động tài chính cũng như phi tài chính.

Hong Sun

Nationality: Korean
 Bachelor of Commercial & Investment Law, Hochiminh University of Law

As General Secretary of the Korea Trade-Investment Promotion (KOTRA) in Vietnam, besides controlling the activities of the company, he has provided great support for Everpia Vietnam in connection with other Korean companies in Vietnam, opening opportunities for cooperation and support in financial as well as non-financial activities

CƠ CẤU TỔ CHỨC / ORGANIZATION STRUCTURE

Cơ cấu lao động công ty / Labor Structure

Tính đến cuối năm 2013, tổng số lao động tại công ty là 1,077 người: 855 công nhân và 222 nhân viên văn phòng và nhân viên bán hàng tại các showroom.

As of December 31, 2013, the Company had approximately 1,077 employees: 855 in production area and 222 in office and showroom operations.



Phân loại lao động Indicators	Số lượng (người) No. of people	Tỷ lệ Rate (%)
Theo trình độ học vấn Education background		
Đại học và trên đại học University and above	170	15.8%
Cao đẳng và Trung cấp College and Intermediate	69	6.4%
Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông Technician and unskilled laborer	838	77.8%
Theo đối tượng lao động Production related		
Trực tiếp Direct	855	79.4%
Gián tiếp Indirect	222	20.6%
Theo giới tính Gender		
Nam Male	457	42.4%
Nữ Female	620	57.6%



III BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BOARD OF MANAGEMENT
REPORT

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận

Tuy chưa thể đạt được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHCĐ thông qua, tăng trưởng vẫn còn ở mức thấp, kết thúc năm tài chính 2013, doanh thu ròng hợp nhất đạt 750.5 tỷ VND và lợi nhuận sau thuế đạt 84.9 tỷ VND. Hoạt động kinh doanh của Everpia Việt Nam đã có sự chuyển biến tích cực đi lên về cuối năm nhờ vào các chiến lược bán hàng, tiếp thị, và các hoạt động khuyến mại kích cầu tiêu dùng trong bối cảnh kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn.



Tiếp tục dẫn đầu thị phần Chăn-ga-gối-đệm và thị phần Bông tằm tại Việt Nam

Ngành hàng Chăn-ga-gối-đệm

Mở rộng thị trường

Năm 2013, Everpia Việt Nam tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu tại thị trường Chăn - ga - gối - đệm, với 22% thị phần tại hai thành phố lớn là Hà Nội & Hồ Chí Minh.

Thương hiệu lớn nhất là EVERON dành cho phân khúc khách hàng trung bình, Artemis cho phân khúc cao cấp, và Edelin cho phân khúc bình dân. Tính đến cuối năm 2013, các sản phẩm của Everpia Việt Nam có mặt tại 61 tỉnh thành trong cả nước với tổng số 636 đại lý và tổng đại lý với khoảng 178,158 m2 diện tích bán, tăng nhẹ so với năm 2012.

Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu riêng biệt

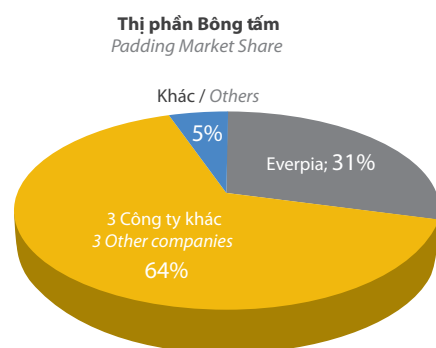
Bên cạnh việc duy trì sự ổn định của về số lượng các đại lý, từ năm 2013 Công ty bắt đầu thực hiện chiến lược phát triển theo chiều sâu. Các cửa hàng của Everon được thiết kế và lắp đặt trang thiết bị nội thất phản ánh phong cách riêng biệt, tạo cảm giác thoải mái và thân thiện với người tiêu dùng khi tìm mua các sản phẩm Chăn - ga - gối - đệm.

Chi tiết nội thất đặc trưng đem lại trải nghiệm mua sắm thú vị và hấp dẫn cho người tiêu dùng. Việc đổi mới này nằm trong mục tiêu dài hạn gây dựng hệ thống phân phối vững chắc nhằm phát triển bền vững không chỉ ngành hàng chủ lực truyền thống mà còn làm nền tảng để mở rộng các ngành hàng mới.

Ngành hàng Bông tằm

Everpia Việt Nam hiện vẫn duy trì được thị phần của mình trên thị trường bông tằm (31%) trong năm 2013. Bên cạnh các đơn hàng từ khách hàng truyền thống, trong năm qua Công ty đã nhận được những đơn hàng từ các khách hàng của đối thủ cạnh tranh. Có được kết quả này, bên cạnh việc duy trì chất lượng và sự đa dạng của các dòng sản phẩm Bông tằm, trong năm 2013 Everpia Việt Nam đã áp dụng chiến lược tiếp thị thông minh để tiếp cận, nắm bắt được nhu cầu của các khách hàng một cách tốt nhất.

Everpia Việt Nam duy trì được cơ cấu khách hàng Bông tằm tương đối ổn định, với ba nhóm khách hàng chính gồm Hàn Quốc (66%), khách hàng Việt Nam (24%) và khách hàng nước ngoài. Trong 5 năm qua, tốc độ tăng trưởng gộp của doanh thu ngành Bông tằm là 16.3%.



BUSINESS OVERVIEW

Maintain Growth Rate of Sales and Profit

Although Everpia Vietnam cannot achieve its target on revenue & NPAT and its growth rate was at low level, net sales reached VND 750.5 bil. and profit after tax was VND 84.9 billion. Business operation of Everpia Vietnam has the positive changes by the end of the last year driven by EVE's strategic directives in merchandising, marketing, and operations - each discipline focused on its primary objectives but working together to gain market share and better earnings under tough economic conditions.



Leading Bedding and Padding market in Vietnam

Bedding lines

Market development

EVE's bedding sector has three brand names: EVERON (the leading brands in the domestic bedding industry, ARTEMIS (one of the luxury brands), and Edelin. In 2013, EVE kept its leadership position in the bedding market: Everon continued to lead the bedding markets with 22% market share in Ha Noi & Ho Chi Minh.

As of December 31, 2013, Everpia Vietnam's product are sold nationwide through 636 agents and distributors with approximately 178,158 retail square metre, slightly increase as compared to 2012.

Distinctive brand identify system

Besides maintaining the stability of shop quantity, since the

beginning of year 2013, the Company started to invest more for interior. Everpia Vietnam strives to have distinctive style and comfortable stores for consumers when purchasing their bedding equipments.

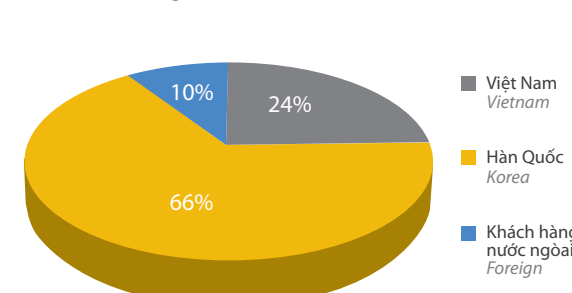
The new store's curb appeal to attract Company's target customers, use of friendly and warm facades, attractive landscaping complements the quality and style of our merchandise. Interior details are also important for a pleasant and inviting shopping experience. This is long-term goal of the Company in order to build a solid distribution network for sustainable development of the current business lines as well as the new ones in the future.

Padding lines

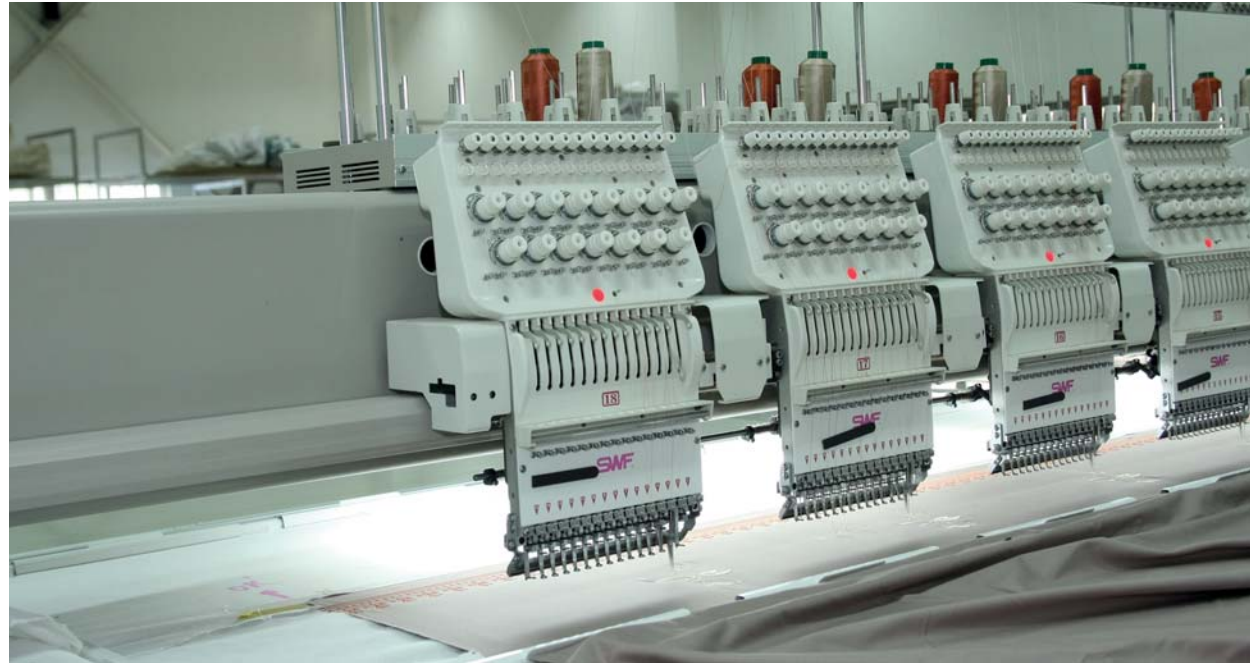
Everpia Vietnam maintain its market share of 31% in Padding business. Besides keeping order from existing customers, the Company has successful acquired more new ones from its competitors. This results thank to the quality and diversified products, clever sales skills to approach and understand new customers' demand.

Everpia Vietnam has stable Padding customers structure of Korean (66%), Vietnam (24%) and Foreign countries (10%). In the last five years, padding sales grew at an average CAGR of 16.3%.

Cơ cấu khách hàng Bông tằm năm 2013



ĐẦU TƯ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



Nhằm ổn định sản xuất và tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty, Everpia Việt Nam vẫn giữ cam kết tiếp tục thực hiện các hoạt động đầu tư cho cơ sở hạ tầng. Trong năm 2013, tổng số vốn đầu tư cho trang thiết bị máy móc tại 03 nhà máy tại Hà Nội, Hưng Yên và Đồng Nai là 12,5 tỷ đồng.

Nhằm mở rộng thị trường các tỉnh phía Tây Bắc cho ngành hàng Chăn – ga – gối – đệm đặc biệt là các sản phẩm cho thị trường bình dân - Edelin và cung cấp sản phẩm cho các khách sạn, các khu nghỉ dưỡng tại khu vực Tây Bắc nói chung và tỉnh

Hòa Bình nói riêng, Hội đồng quản trị công ty đã quyết định thành lập Chi nhánh thứ 4 tại Hòa Bình. Chi nhánh Hòa Bình đặt trụ sở tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình trên nền diện tích rộng 7.093m² với mục tiêu không chỉ là chi nhánh giao dịch mà còn là nơi tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng cho CBCNV toàn công ty. Vốn đầu tư cho chi nhánh Hòa Bình tính tới ngày 31/12/2013 là 7,2 tỷ đồng.

Như vậy, tổng đầu tư cho tài sản cố định của Công ty năm 2013 là 19,7 tỷ đồng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHÍNH

Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam

Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam chuyên sản xuất các loại đệm lò xo chất lượng cao. Đa số các sản phẩm của Mattpia mang thương hiệu Everon và được phân phối tại các đại lý Everon trên toàn quốc.

Năm 2013, Mattpia Việt Nam đạt được doanh thu là 11,5 tỷ đồng tăng 17.3% so với năm 2012. Do trong năm chi phí nguyên vật liệu và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao, kết quả kinh doanh của công ty giảm mạnh, lợi nhuận âm 708 triệu đồng, góp vào lợi nhuận hợp nhất chung toàn Everpia Việt Nam là -410,6 triệu đồng.

Xác định thị trường đệm lò xo còn phát triển mạnh, để tạo thuận lợi trong việc phát triển ngành hàng này, Công ty đã quyết định tự sản xuất đệm lò xo bằng cách mua lại toàn bộ tài sản của Mattpia, thực hiện sản xuất sản phẩm này tại nhà máy Hà Nội.



Công ty trách nhiệm hữu hạn Everpia Cambodia

Vào ngày 05/01/2013, Công ty con tại Campuchia, với 100% vốn đầu tư từ Everpia Việt Nam, chính thức khai trương. Tổng vốn đầu tư vào Everpia Campuchia là 10 tỷ đồng. Sau năm đầu hoạt động, công ty mang lại doanh thu 5,1 tỷ đồng.

INVESTMENT TO FIXED ASSETS

Everpia Vietnam remains committed to make the required investments in its manufacturing capabilities to help positioning the Company for continued success. In 2013, total investment for machinery and equipment in Ha Noi, Hung Yen and Dong Nai was VND12.5bil.

In order to expand the Bedding business in the North West provinces, especially for Edelin (targeted to middle-low segment) and hotel/resorts products, the company's BOM had

decided to establish the 4th branch at Hoa Binh, which is located in Luong Son district, Hoa Binh province with the area of 7.093m²; This branch is not only the transaction place but also training center for company staffs. The capital investment until 31st Dec, 2013 for Hoa Binh branch was VND7.2bil.

Thus, the total investment in fixed assets of the Company in 2013 was 19.7 billion VND

	Nhà xưởng Workshop	Máy móc thiết bị Machinery	Thiết bị văn phòng Office tools	Phương tiện vận tải Transportation	Tài sản khác Other assets	Tổng Total
Ngày 01/01/2013 On 1 st Jan, 2013	175,122	196,675	6,777	17,820	8,651	405,047
Tăng Increase	1,930	8,946	345	1,145	156	12,524
Giảm Decrease	(115)	(90)				(205)
Giá trị khấu hao tích lũy Accumulated depreciation	20,873	99,104	6,438	4,347	1,902	132,666
Ngày 31/12/2013 On 31 st Dec, 2013	129,465	91,192	3,726	12,618	13,733	250,736

INVESTMENT ACTIVITIES

Mattpia Vietnam Joint Stock Company

Mattpia Vietnam specializes in production of high quality spring mattress. Most products of Mattpia carry the brand name Everon and are distributed to all Everon agents nationwide.

In 2013, Mattpia Vietnam achieved VND11.5bil. of revenue, a slight decrease from 2012 (17.3%). Due to the high increase in the cost of raw materials and general administration expense, net profit after tax sharply decreased, recored at negative VND708mil. which contributing to consolidated profit in the negative amount of VND410.6 mil.

Identifying great potential development of spring mattress, Everpia Vietnam has decided to produce spring mattress by itself by acquiring all the assets of Mattpia and consequently closing progressively this company.



Everpia Cambodia Company Limited

On January 5th, 2013, the Company entered Cambodia market with a 100% ownership subsidiary. The total investment into Everpia Cambodia was VND 10 bil. After the first year of operation, the Company contributes VND 5.1 billion to the total revenue

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT TRONG NĂM



HĐQT đã duy trì hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị công ty và tuân thủ luật Doanh nghiệp. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có định hướng chiến lược phù hợp, linh hoạt điều chỉnh để ra giải pháp phù hợp thực tế nhằm mang lại lợi ích tối đa cho Công ty.

Năm 2013, Hội đồng Quản trị đã tiến hành họp 8 phiên họp trong đó có 4 phiên định kỳ (vào các ngày 08/03/2013,

28/06/2013, 03/10/2013 và 13/12/2013) và 4 phiên bất thường (vào các ngày 20/02/2013, 22/04/2013, 04/07/2013 và 17/09/2013) nhằm kịp thời đưa ra những chủ trương, quyết sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng quy định. Các Biên bản và Nghị quyết HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được công bố thông tin và lưu trữ theo đúng quy định

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	001/EVE-HĐQT/NQ	20/2/2013	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013
2	003/EVE- HĐQT/NQ	22/04/2013	Bổ sung 02 ngành nghề mới cho Chi nhánh Hưng Yên
3	004/EVE- HĐQT/NQ	04/07/2013	Bổ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị phụ trách một số vấn đề quan trọng liên quan đến Nhân sự, Lương thưởng và Chính sách phát triển
4	005/EVE- HĐQT/NQ	22/07/2013	Ban hành Quy chế quản trị công ty
5	006/EVE- HĐQT/NQ	17/09/2013	Thành lập Chi nhánh Hòa Bình

BOM MEETING IN 2013



The Board of Management had been worked as function, duty and responsibility stated in the Company Charter, Company Governance Regulation in accordance with Enterprise Law. In the hard context of general economy, the BOM and BOD had planed a reasonable strategy, flexibility adjustment to claim the best benefit for the Company.

In 2013, BOM had met for 8 times, in which 4 regulars (held on every quarter on 08 Mar, 2013; 28 Jun, 2013; 03 Oct, 2013 and 13 Dec, 2013) and 4 irregulars (held on 20 Feb, 2013; 22 Apr, 2013; 04 Jun, 2013; and 17 Sep, 2013). All of these meetings were held regularly in accordance with regulations. Minutes and Resolution of BOM were all based on agreement of members, were disclosed and saved in the right way.

BOM RESOLUTION IN 2013

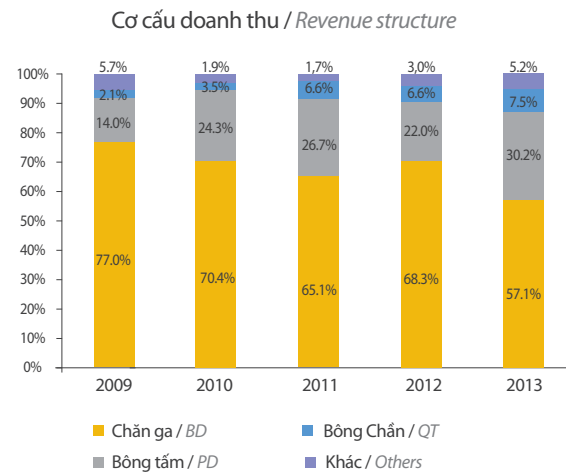
No.	No. of resolution	Date	Content
1	001/EVE-HĐQT/NQ	Feb. 20 th 2013	Organize General Shareholders' Meeting 2013
2	003/EVE- HĐQT/NQ	Apr. 22 th 2013	Expand new business for Hung Yen Branch
3	004/EVE- HĐQT/NQ	Jul. 4 th 2013	Assign BOM members in charge of Human Resource related issues, Remuneration related issues and Development policy related issues
4	005/EVE- HĐQT/NQ	Jul. 22 th 2013	Publish Company Governance Regulation
5	006/EVE- HĐQT/NQ	Sep. 17 th 2013	Establish Hoa Binh Branch



**IV BÁO CÁO
CỦA BAN GIÁM ĐỐC
BOARD OF DIRECTORS REPORT**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong khi năm 2013 được nhận định là năm thứ 6 kinh tế Việt Nam rơi vào trì trệ & tăng trưởng dưới tiềm năng, so với các công ty trong cùng ngành, Everpia Việt Nam đã kết thúc hoạt động kinh doanh năm 2013 với kết quả lợi nhuận và biên lợi nhuận tăng cao hơn so với năm 2012. Doanh thu thuần tăng lên do sự gia tăng của một số yếu tố như: số lượng hàng bán, giá cả và danh mục sản phẩm hiệu quả.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

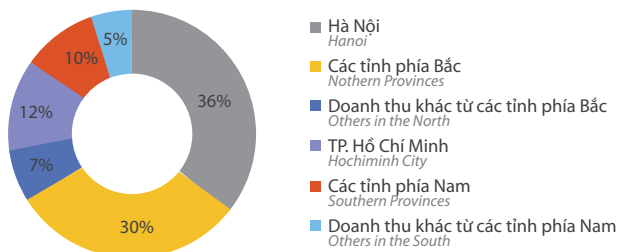
Ngành kinh doanh Chăn - ga - gối - đệm

Doanh thu ngành Chăn - ga - gối - đệm tăng trưởng chậm do nền kinh tế mới bắt đầu giai đoạn phục hồi. Trong 3 quý đầu năm, tốc độ tăng trưởng doanh thu vẫn thấp hơn so với năm 2012. Con số này được cải thiện đáng kể ở kết quả hoạt động trong quý 4. Doanh thu từ dòng sản phẩm Chăn - ga - gối - đệm trong Q4/2013 tăng 10.2% so với cùng kỳ năm 2012. Everpia Việt Nam tin rằng việc tái cơ cấu bộ phận kinh doanh đã phát huy tác dụng, và cùng với đó Everon vẫn duy trì được vị trí đứng đầu trong thị trường chăn ga ở Việt Nam.

Đệm lò xo

Trong năm 2013, doanh thu từ đệm lò xo đóng góp một phần đáng kể vào phần trăm tăng trưởng doanh thu của Công ty. Doanh thu từ dòng sản phẩm này tăng 43.0% so với năm 2012.

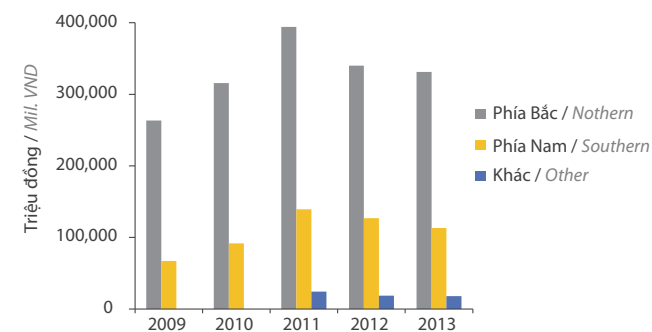
Cơ cấu doanh thu chăn ga gối đệm theo địa lý 2013
Geographic distribution of sales



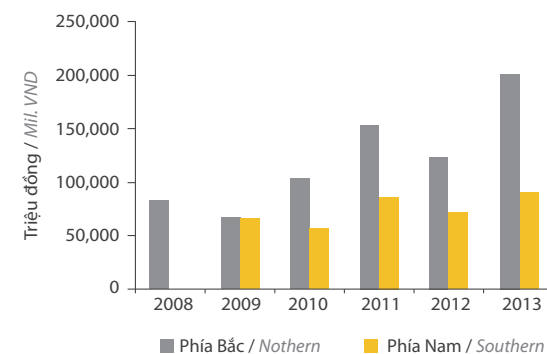
Ngành kinh doanh Bông tằm

Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh độc quyền và lợi nhuận cao các loại bông có thương hiệu tốt trên thế giới như "Thermolite", "Dacron" do Công ty Invista, Hoa Kỳ cấp, cũng như với thương hiệu bông loại mỏng chất lượng cao "Dexfil" của chính Everpia Việt Nam. Xét tổng quan, năm 2013 là một năm thành công của ngành kinh doanh Bông tằm. Doanh thu ngành hàng này năm 2013 đạt 283 tỷ VND, đạt 130.4% kế hoạch đề ra từ đầu năm, tăng 30.4% so với năm 2012. Phần lớn doanh thu bông tằm là từ khu vực phía Bắc, chiếm 68.1% tổng doanh thu Bông. Doanh số ngành hàng này tăng cao là do sự gia tăng giá sản phẩm cùng số lượng các đơn hàng tăng mạnh mẽ từ các khách hàng cũ và mới của công ty.

Doanh thu Chăn Ga / Bedding Sales



Doanh thu Bông tằm / Padding Sales



BOARD OF DIRECTORS REPORT



While 2013 was recorded as the sixth straight year where Vietnam's economy stagnates and growth remain under its potential and competitors have been suffering. Everpia Vietnam is pleased to report results for the year 2013 with higher profits and operating margins in comparison with 2012. Net sales went up thanks to factors such as volume sales, price, and efficient portfolio products.

BUSINESS PERFORMANCE



Bedding business

Bedding sales in 2013 increased at a slow pace as the economy has just began its recovery. Sales in 2013 remained slightly below 2012 through the first three quarters, but it had been stronger in the fourth quarter by increasing rate of 10.2% in compare with Q4/2012. EVE believes the efficient reorganisation of its sales department has contributed to that growth, which help the Company gaining some market share. With these performances, Everon still maintains its first position in the middle section of the Bedding market in Vietnam.

Spring mattress

Spring mattress sales provide a significant growing percentage of EVE's business in 2013. This product sales increased 43.0% as compared to 2012.

Padding business

The company continues to run the business exclusively and profitably with such high-class padding brands as 'Thermolite' and 'Dacron' from American Invista Company and with Everpia Vietnam's low denier Dexfil brand. 2013 is a successful year of Padding business which revenue was VND 283bil. achieved 130.4% of year beginning's target, increasing significantly of 30.4% year-on-year. Notable padding sales resulted from increase of padding price and strong orders from new and existing customers.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán

Trong bối cảnh kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, giá trị hàng tồn kho được giữ ở mức tương đối an toàn (297.3 tỷ VND), tăng nhẹ 1.7% so với năm 2012, đủ để đáp ứng nhu cầu hiện tại của thị trường. Tính đến cuối năm 2013, Everpia Việt Nam đã tất toán mọi khoản vay ngắn hạn đối với các ngân hàng do đó khoản nợ ngắn hạn giảm đáng kể từ 44.6 tỷ đồng năm 2013 xuống còn 1.3 tỷ. Nợ tài chính dài hạn bằng không, cấu trúc tài chính của công ty khá tốt với chỉ số đòn bẩy tài chính chỉ ở mức 0.2 lần.

Tổng Vốn chủ sở hữu của Everpia Việt Nam vào cuối năm 2013 là 777.3 tỷ, tăng 7.8% so với cuối năm 2012. Tỷ lệ Vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản của công ty đạt 87.6% thể hiện rõ nét tình hình tài chính ổn định của công ty.

Kết quả kinh doanh

Doanh thu & Lợi nhuận

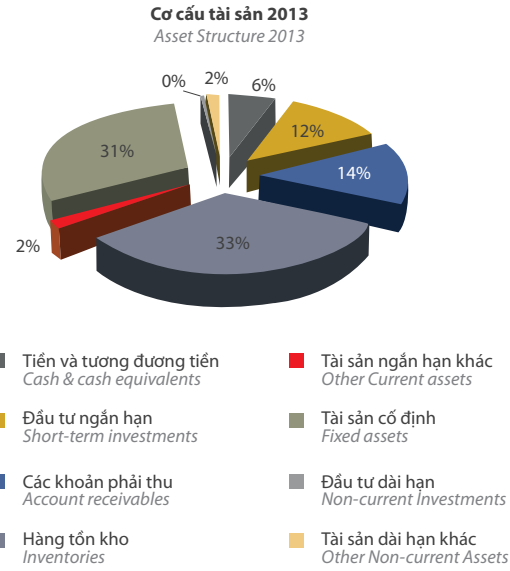
Công ty cổ phần Everpia Việt Nam hoàn thành hoạt động kinh doanh trong năm 2013 với doanh thu đạt 750.5 tỷ VND và lợi nhuận sau thuế đạt 84.9 tỷ VND, tăng lần lượt 10.3% và 13.9% so với cùng kỳ năm ngoái. Hệ số biên lợi nhuận hoạt động cho thấy một sự dịch chuyển mạnh từ 13.8% trong năm 2012 đến 15.3% trong năm 2013.

Biên lợi nhuận gộp năm 2013 tăng 18.2% (tương đương với 42.6 tỷ) so với năm 2012. Sự gia tăng lợi nhuận gộp chủ yếu do doanh số bán hàng và quyết định sáng suốt của Ban Giám Đốc về quản lý sản xuất hiệu quả mặc dù chi phí đầu vào vẫn tăng cao.

Chi phí bán hàng và Quản lý doanh nghiệp

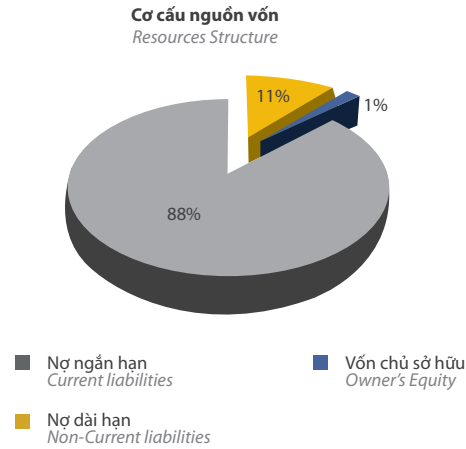
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 18.8 tỷ VND so với cùng kỳ năm 2012, nhưng nếu so sánh tỷ lệ này trên tổng doanh thu công ty thì vẫn ở mức ổn định. Phần lớn mức tăng này là do chi phí nâng cấp biển bảng và nội thất trong năm 2013, nằm trong kế hoạch phát triển theo chiều sâu xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp cho các thương hiệu của công ty để thu hút nhiều hơn các khách hàng tiềm năng. Bên cạnh đó, chi phí khấu hao của Công ty tăng cao trên 120% so với năm 2012 do Everpia Việt Nam đầu tư và đưa nhà máy mới tại Hưng Yên đi vào hoạt động từ cuối năm 2012.

Từ các kết quả trên, lợi nhuận hoạt động đạt 116.4 tỷ VND trong năm 2013, tăng 22.0% so với năm 2012.



FINANCIAL STATUS

Balance sheet



In difficult economic times, inventories were kept at reasonable level (VND 297.3 bil), a slightly increase of 1.7% year-on-year to meet market demand and avoid inventory shortage. By the end of 2013, Everpia Vietnam has reduced its short-term loans and liabilities from VND 44.6 bil. at year beginning to VND 1.3 bil. Long-term financial debt is almost nil, the financial structure of the company is very sound with leverage at only 0.2 times.

Total Equity was VND 777.3 bil., an increase of 7.8% compared to the 2012 year-end. The ratio of equity to total assets was at 87.6%, showing a sound financial status for the Company.

Income Statement

Sales & Profit

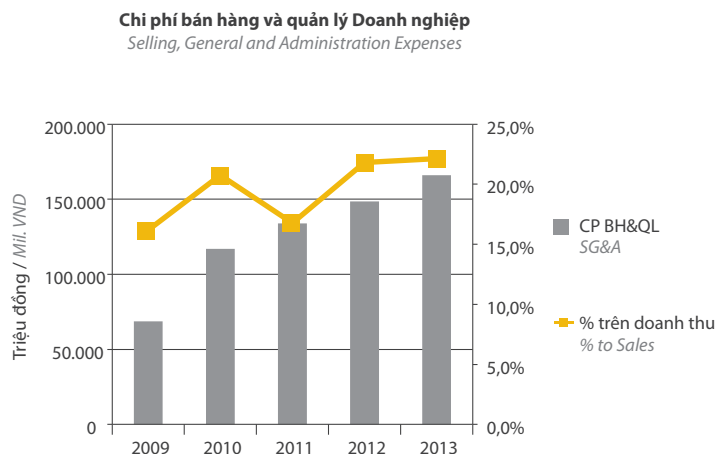
Everpia Vietnam JSC. completed the year 2013 with VND750.5 bil. in sales and VND84.9 billion in NPAT, representing 10.3% and 13.9% yoy growth respectively. The adjusted operating profit margin showed an improvement from 13.8% in 2012 to 15.3% in 2013.

The gross profit margin increased by 18.2% (VND 42.6 bil.) year-on-year. The increase of gross profit primarily due to the increase of sales and thanks to the right decision of the Board of Director on efficient production management despite input costs hike.

Selling and General Administration Expenses

Selling, general and administrative expenses (SG&A) 2013 increased VND 18.8 bil. as compared to 2012 although its ratio to sales was stable. The change was largely due to higher expense for upgrading signboard shop interior in order to build a professional image for the Company's brands to attract more potential customers. Beside, depreciation was increased 120% in compare with 2012 due to the new office and factory building which was put into use since end of 2012.

As a result, operating profit was VND 116.4 bil. in 2013, increasing 22.0% compared to 2010.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh

Chỉ Số Tài Chính

Hệ số thanh toán hiện hành (6.3x) và thanh toán nhanh (3.1x) cho thấy Everpia Vietnam có đủ khả năng để đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn. Tỷ số sinh lợi của Công ty tăng so với năm 2012 chủ yếu là nhờ doanh thu từ ngành hàng Bông tằm do chính sách tiếp thị và chiến lược tiếp cận khách hàng cùng với chính sách quản lý chi phí hợp lý, giúp đảm bảo tỷ suất sinh lợi trên mỗi đơn vị sản phẩm của toàn Công ty.

Hệ số thu nhập trên vốn cổ phần (ROE) tăng 11.1% trong năm 2013. Lợi nhuận xuất phát từ các khoản thu nhập tái đầu tư vào công ty với tỷ lệ ROE cao kéo theo tốc độ tăng trưởng của hệ số này.

Hệ số tài chính <i>Financial ratios</i>	2009	2010	2011	2012	2013
Khả năng thanh toán <i>Liquidity ratios</i>					
Khả năng thanh toán hiện hành <i>Current ratio</i>	4.0	6.7	4.5	3.7	6.3
Khả năng thanh toán nhanh <i>Quick ratio</i>	2.3	3.8	2.0	1.8	3.1
Tỷ suất đòn bẩy <i>Debt equity ratio</i>					
Debt equity ratio <i>Debt equity ratio</i>	0.2	0.2	0.2	0.2	0.1
Hệ số lợi nhuận <i>Profitability ratios</i>					
Hệ số biên lợi nhuận gộp <i>Gross profit margin</i>	41.9%	42.0%	39.8%	34.3%	36.8%
Vòng quay tài sản <i>Net assets turnover</i>	101.7%	84.2%	94.0%	75.7%	84.6%
Hệ số thu nhập trên doanh thu <i>Return on sales (ROS)</i>	20.1%	18.2%	18.9%	11.0%	11.3%
Hệ số thu nhập trên tài sản <i>Return on assets (ROA)</i>	20.4%	15.3%	17.8%	8.3%	9.7%
Hệ số thu nhập trên vốn cổ phần <i>Return on equity (ROE)</i>	25.4%	17.9%	21.8%	10.3%	10.9%
Tỷ suất tài sản <i>Assets ratios</i>					
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản <i>Non-current assets / total assets</i>	23.0%	22.5%	25.4%	34.6%	33.0%
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản <i>Current assets / total assets</i>	77.0%	77.5%	74.6%	65.4%	67.0%

FINANCIAL STATUS

Income Statement

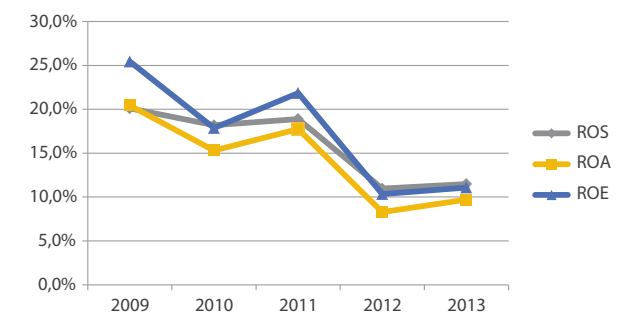


Financial Ratios

The current ratio and quick ratio show Everpia Vietnam's good capability to meet its short-term obligations. The profitability ratios increased in comparison with 2010, boosted by the strong performance of the padding business department due to clever marketing strategy and reasonable cost breakdown policy to ensure profitability from each item.

The return stockholder's equity (ROE) was increased to 11.1% year-on-year thanks to the improved profitability.

Tỷ suất lợi nhuận / Profitability ratios





V **BÁO CÁO**
CỦA BAN KIỂM SOÁT
AUDIT COMMITTEE
REPORT

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát các quy trình hoạt động của Công ty, xem xét phạm vi công việc và kết quả của Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán độc lập nhằm đưa ra những ý kiến đóng góp và đề xuất trong việc hoàn thiện công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả tốt nhất, đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Hệ thống quản trị đảm bảo rằng Ban Tổng giám đốc duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ và hoàn chỉnh nhằm bảo vệ tài sản của Công ty và vốn đầu tư của cổ đông. Tại các

cuộc họp thường kỳ hàng Quý, Ban Kiểm soát luôn cử đại diện tham dự để cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các quyết định HĐQT đã thông qua cũng như có ý kiến kịp thời về những vấn đề phát sinh trong quý. Do đó mọi quyết định luôn có sự thống nhất cao giữa BKS và HĐQT.

Đến hết năm 2013, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính của Công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ vận hành tốt.

Biến động số lượng cổ phiếu EVE của cổ đông lớn trong năm 2013 / Changes in major shareholder list in 2013

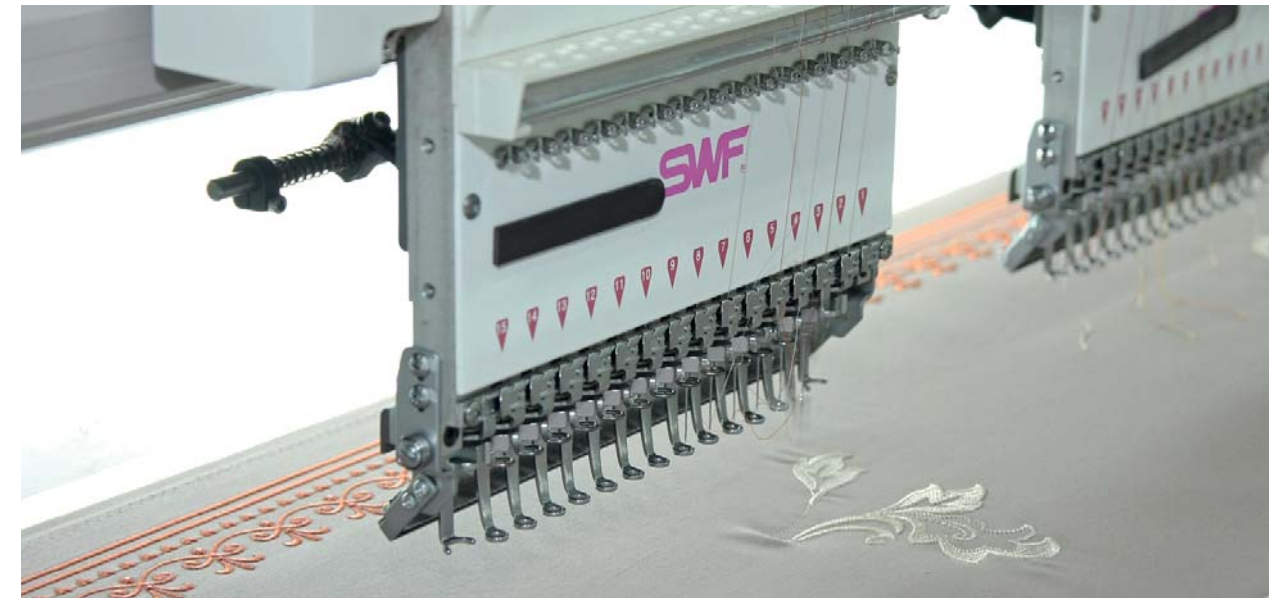
STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Shareholder	Quan hệ với Công ty Position	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Year beginning		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Year ending		Ghi chú Remark
			Số cổ phiếu No. of stock	%	Số cổ phiếu No. of stock	%	
1	Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư FPT FPT Capital	Cổ đông lớn Major shareholder	4,151,532	14.83%	1,201,117	4.29%	Bán Sell
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong Tien Phong Bank	Cổ đông lớn Major shareholder	-	0.00%	2,950,415	10.54%	Mua Buy
3	Nguyễn Văn Đào	Thành viên HĐQT BOM member	24,000	0.09%	12,000	0.043%	Bán Sell

Tỷ lệ sở hữu và thù lao của Hội đồng quản trị / Rate of ownership & remuneration of Board of Management

Hội đồng quản trị / Board of Management

STT No.	Họ và tên Fullname	Chức vụ Position	Tỷ lệ sở hữu Rate of ownership	Thù lao, tiền thưởng sau thuế TNCN năm 2013 (VND) Remuneration after PIT in 2013
1	Lee Jae Eun	Chủ tịch HĐQT / Chairman	15.99%	2,599,009,625
2	Cho Yong Hwan	Thành viên HĐQT / BOM member	0.17%	1,601,515,869
3	Nguyễn Văn Đào	Thành viên HĐQT / BOM member	0.04%	781,816,373
4	Lee Je Won	Thành viên HĐQT / BOM member	0.85%	1,435,068,000
Thành viên HĐQT không điều hành / Non-executive BOM member				
5	Jean Charles Belliol	Thành viên HĐQT / BOM member	-	77,760,000
Thành viên HĐQT độc lập và không điều hành / Non-executive and Independent BOM member				
6	Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT / BOM member	-	77,760,000
7	Ngô Phương Chí	Thành viên HĐQT / BOM member	-	77,760,000

AUDIT COMMITTEE REPORT



In the past year, the Audit Committee had checked and kept in track with the Company's regulations and workflow, considered all jobs in aspect of internal auditing, independent auditing then stated out supporting opinion for management activities, on the purpose to enhance business performance and protect shareholders' legal rights.

The Management system consisted that the Board of Director has maintained a strong Internal auditing team which fulfill its tasks to protect the Company's assets and Shareholders'

equity. At every regular BOM meeting, the Audit Committee had representative to attend to update business activities and decisions. Therefore, all made-out decisions are result of agreement of both BOM and Audit Committee.

By the end of 2013, the Audit Committee had found no abnormal in the Company's financial activities. All the works had been done appropriately in accordance to Internal Control system. Financial control system has been working well.

Tỷ lệ sở hữu và thù lao của Ban Kiểm soát / Rate of ownership & remuneration of Audit Committee

Thành viên Ban kiểm soát / Audit Committee members

STT No.	Họ và tên Fullname	Chức vụ Position	Tỷ lệ sở hữu Rate of ownership	Thù lao, tiền thưởng sau thuế TNCN năm 2012 (VND) Remuneration after PIT in 2012
1	Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng BKS / Chief of AC	0.04%	77,760,000
2	Suh Seung Chul	Thành viên BKS / AC member	0%	77,760,000
3	Kim Byoung Tak	Thành viên BKS / AC member	0%	16,836,923
4	Hong Sun	Thành viên BKS / AC member	0%	58,320,000



**VI BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
SUSTAINABILITY REPORT**

Duy trì thương hiệu và niềm tin của người tiêu dùng trong suốt 20 năm là minh chứng rõ nhất cho thành công trong mục tiêu phát triển bền vững của Everpia Việt Nam. Phát triển bền vững chính là trọng tâm trong mọi chiến lược của công ty bởi đây là cơ sở để gia tăng giá trị, tiền đề cho những thành công trong tương lai.

Chúng tôi đã, đang và sẽ tiếp tục duy trì tính cân bằng giữa các yếu tố: môi trường, cộng đồng và tăng trưởng. Chúng tôi cụ thể hoá phát triển bền vững bằng cam kết: xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện; trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng và đảm bảo thành công thương mại của Công ty.

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Maintaining the brand and customer's credit in the last 20 years has been the obvious evidence for the success of sustainability development of Everpia Vietnam. Sustainable development has been the common goal of all the company's strategies since this is the foundation for added-value increasing and preliminaries for the future successes.

Everpia Vietnam has been maintaining the equality among the factors the environment, the community and development. The Company has been practiced the sustain developments with the commitment to build the safe and friendly working environment, the social and community responsibilities, and to ensure the business success of the company.

SUSTAINABLE MODEL



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Việc sử dụng nguyên liệu đầu vào đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, quy trình sản xuất khép kín không sử dụng hóa chất độc hại, không chất thải ra môi trường cho phép Everpia Việt Nam tự hào về một quy trình sản xuất thân thiện với môi trường.

Tiết kiệm năng lượng

Trong không gian văn phòng, khu vực nghỉ ngơi những áp phích ngộ nghĩnh, bắt mắt kèm những nhắc nhở về tiết kiệm điện, nước, giấy in... mang giúp nhân viên dễ dàng ghi nhớ và hình thành thói quen tiết kiệm năng lượng. Việc ứng dụng các công nghệ quản lý tiên tiến: ERP, POS, GPS không những nâng cao hiệu quả quản lý và còn giúp tiết kiệm đáng kể giấy tờ, nhiên liệu, chi phí lao động cho công ty

Môi trường làm việc

Tại Everpia Việt Nam, 2 ngành nghề kinh doanh có mùa vụ hoàn toàn trái ngược nhau. Việc sản xuất bông tắm trong điều kiện thời tiết nóng nực với hệ thống dây chuyền sản xuất lớn, còn sản xuất chăn ga với số lượng lớn công nhân cùng làm việc trong không gian nhà xưởng đóng kín, để đảm bảo điều kiện làm việc cho công nhân mọi hệ thống nhà xưởng của Everpia Việt Nam đều được lắp đặt hệ thống thông hơi, hạ nhiệt để tạo môi trường làm việc ôn hòa.

Phía ngoài khu vực sản xuất là các vườn cây không chỉ tạo cảnh quan cho nhà máy còn là nơi CBCNV có thể nghỉ ngơi. Đặc biệt, Công ty còn có khu vui chơi và phòng tập thể thao được trang bị đầy đủ các thiết bị: thảm tập, máy tập đa năng, máy massage, bàn chơi billiard, sân chơi golf trong nhà, phòng tắm giúp nhân viên thư giãn sau giờ làm việc, rèn luyện thể thao, tăng cường sức khỏe.

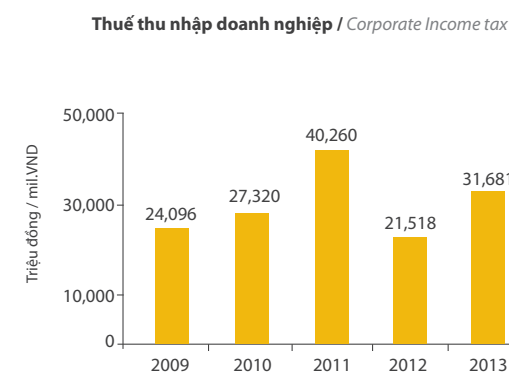


Phương châm của Everpia Việt Nam là xây dựng một môi trường làm việc hiện đại, thoáng đãng và thân thiện nhằm xây dựng một nhà máy tốt nhất cho các nhân viên của mình.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Đóng góp vào ngân sách nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp Everpia Việt Nam phải nộp năm 2013 là 31,6 tỷ đồng.



Quan hệ nhà đầu tư

Với vai trò là cầu nối thông tin giữa Công ty với các cổ đông, các nhà đầu tư, tổ chức tài chính và truyền thông chuyên ngành, bên cạnh việc tuân thủ nghiêm túc và cập nhật đầy đủ các quy định về công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính và các sự kiện nổi bật luôn được công ty chủ động cung cấp tới các Cổ đông và Nhà đầu tư định kỳ hàng quý. Bên cạnh đó, khi cổ đông có yêu cầu về CBTT, EVE đều cung cấp thông tin một cách chi tiết và rõ ràng nhất.

Trong năm 2013, rất nhiều nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước đã đến thăm, tìm hiểu và lựa chọn đầu tư vào EVE như: Route One Partner, Seafarer Overseas Growth and Income Fund, Galadriel Capital, Frontaura Capital, Consilium Investment Management, Ashmore Fund... Các công ty chứng khoán hàng đầu cũng thường xuyên đưa ra các Báo cáo cập nhật và khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu EVE.

SUSTAINABILITY REPORT

ENVIRONMENT AND ENERGY

By using the standardized safety input materials, close manufacturing process with no harmful chemicals, no wastes into the environment allows Everpia Vietnam to be proud of the environment-friendly manufacturing process.

Energy-saving

Attractive banners around working places and the resting areas remind employees to save power, water, papers, etc. to help them create energy saving habits. Besides, by adopting management applications of the ERP, POS, GPS, it not only helps to increase management effectiveness but also saves working expenses for the company.

Working environment

In Everpia Vietnam, the two businesses have opposite working seasons. Padding production takes place under high temperature caused by summer season and the heat from big production lines; bedding production takes place with many people working within a closed workshop. These factors make a hard working environment for the Company's workers. To mitigate this hardship, Everpia Vietnam has installed air conditioning systems in all workshops to make the working environment mild.

Outside the production areas are the gardens to create the good scenery and place where the employees can take rest. Especially, the Company also has a gym room and entertaining area where equipped with multi-function training machines, yoga carpet, massage machines, billiard tables, in-house golf yard... to help the employees playing sports and relax after work.



The philosophy of Everpia Vietnam is to build the modern working environment, ventilated, and friendly to create the best factory for our employees.

ECONOMIC DEVELOPMENTS

Business income tax



In the year 2013, Everpia Vietnam contributed VND 31.6 bil. as business income tax for the national budget.

Investor relation

Acts as an information bridge between the Company and the shareholders, investors, financial and specialized media institutions, besides seriously comply and fully update regulations of the State Securities Commission and Ho Chi Minh City stock Exchange on information disclosure, EVE's IR team always proactivity providing updated highlight information regards financial statement, business performance to shareholders and investors on a quarterly basis. Additionally, EVE offers detailed and clear information when investors required.

In 2013, many individuals and institutions from both domestic and abroad had visited and explored investment opportunities in EVE, such as: Route One Partner, Seafarer Overseas Growth and Income Fund, Galadriel Capital, Capital Frontaura, Consilium Investment Management, Ashmore Fund, etc. In addition, some leading securities companies often update reports and recommend BUY for EVE share.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Phát triển nguồn nhân lực

Xác định nguồn nhân lực là tài sản quan trọng nhất cho sự phát triển bền vững của công ty. Everpia Việt Nam luôn chăm lo và tạo các cơ hội phát triển cho mọi nhân viên của mình.

Chăm lo sức khỏe cho nhân viên

Công ty chăm lo và bảo vệ sức khỏe cho người lao động thông qua các việc làm thiết thực: tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, mua bảo hiểm đầy đủ cho mọi CBCNV, hội thao hàng năm vào tháng 3 là hoạt động thường niên không thể thiếu của Công ty nhằm rèn luyện sức khỏe cũng như tăng cường tinh thần đoàn kết, gắn bó tập thể.

Vào mùa cao điểm, ngoại trừ suất ăn hàng ngày tại căng tin, mỗi công nhân đều có thêm các phần bánh ngọt, sữa và hoa quả ăn thêm để đảm bảo sức khỏe, tập trung sản xuất.



Các hoạt động tập thể

Trong năm qua, các hoạt động tập thể truyền thống của Everpia Việt Nam vẫn được duy trì tổ chức và đã trở thành các hoạt động được mong đợi của tất cả thành viên trong Công ty. Các hoạt động bao gồm: Đại hội Thể dục Thể thao vào tháng 3, chuyến du lịch đặc biệt tới Hàn Quốc hoặc các điểm nghỉ dưỡng trong nước như Nha Trang, Đà Lạt cho những cá nhân có thành tích xuất sắc vào tháng 5, kỳ nghỉ mát mùa hè cho toàn thể CBCNV và gia đình vào tháng 7 và Hội thi tay nghề vào tháng 10.



Tôn trọng ý kiến người lao động trong các quyết định quan trọng

Sự đồng lòng của đội ngũ cán bộ công nhân viên được xem là một trong những yếu tố then chốt quyết định thành công của Công ty cổ phần Everpia Việt Nam. Do vậy, trước mỗi quyết định quan trọng, Công ty đều gửi mail thông báo cho từng phòng ban, xưởng, đồng thời dán thông báo công khai với toàn thể cán bộ công nhân viên. Từng bộ phận sẽ cử đại diện khảo sát thực tế và đưa ra ý kiến.

Tháng 1 hàng năm, Everpia Việt Nam định kỳ tổ chức workshop toàn Công ty. Đây là cơ hội để các phòng ban đóng góp ý kiến hoàn thiện hệ thống sản xuất, kinh doanh; là nơi ban lãnh đạo lắng nghe, thấu hiểu nguyện vọng của các phòng ban để có biện pháp kịp thời hỗ trợ hoạt động và nâng cao quyền lợi chính đáng của từng bộ phận.

Chính sách lương thưởng

Mức lương cơ bản trung bình của các cán bộ công nhân viên Công ty năm 2013 tăng 14.3% so với năm 2012, đạt 4.561.185 đồng. Ngoài lương cơ bản, mỗi năm, mọi nhân viên Công ty đều được hưởng thêm 4 tháng lương trả vào các đợt Tết Âm lịch, Quốc tế lao động và Quốc khánh, và Ngày thành lập Công ty. Nếu kết quả hoạt động kinh doanh có hiệu quả, cuối năm Công ty còn trích khoảng 10% lợi nhuận sau thuế chia lại cho cán bộ công nhân viên. Việc phân chia phần thưởng đặc biệt này phụ thuộc vào mức độ hiệu quả trong công tác hoạt động của từng cá nhân, từng phòng ban. Tính cho năm 2013, mức thu nhập chung của cán bộ công nhân viên thực là

7.850.851 đồng /người, tăng 25.4% so với 2012.

Kể từ năm 2011, mỗi chu kỳ 6 tháng, 15 đến 20 cán bộ công nhân viên xuất sắc nhất Công ty sẽ được chọn và tặng thưởng vật phẩm giá trị. Đây là hoạt động mang tính chất khích lệ tinh thần làm việc của nhân viên, từ khối văn phòng tới bộ phận sản xuất. Bên cạnh các chính sách phúc lợi thông thường dành cho người lao động theo quy định, Everpia Việt Nam còn có một số chính sách tăng thêm thu nhập cho công nhân viên như: phụ cấp hỗ trợ tay nghề, hỗ trợ thâm niên, hỗ trợ chuyên cần, hỗ trợ chi phí xăng xe đi làm

RESPONSIBILITIES

Develop Human resources

Recognizing the important role of human resource to stable developments of the company, Everpia Vietnam has paid good care of and provided developing opportunities for its employees.

Take good care of employees' health

The Company takes good care of its labor through numerous practical activities: annual physical exams, fully employment insurance, annual sport events which are necessary activities for health development and unit-community's relationship.

On high season, besides serving lunch (and/or dinner) in the Company canteen, every employee has addition food such as milk and fruit to guarantee labor health for production.

Community activities



Last year, traditional collective activities had continuously being hold and become the expected activities of all employees in the Company. Those activities include the sport festival in March, special trips Korea or to domestic resorts (such as Nha Trang, Da Nang) for excellent individuals in May, the summer holiday for all the employees and their families in July, and the competence contest in October.

Salary and Incentive policies

The average basic salary of the employees in the year 2013, has risen 14.3% in comparisons with the year 2012, reaching 4,561,185VND. In addition, every employee of the company are entitled to have another payment equivalent to month of basic salary paid on occasion of Tet Holiday, the National day, the Labor day, and the Company establishment day. In case the business performance is positive, the company will also extract 10% from its NPAT to pay employees as special bonus. This special distribution shall be made upon the performance of each employee and department. In 2013, the average income of each employee was 7,850,851VND/each, increased by 25.4% in comparisons with the previous year.



Appreciate the opinion of the labors in special decisions

The unanimity of all the employees has been considered one of the most important factors to determine the success of the Everpia Vietnam Joint Stock Company. Thus, facing every important decision, the company always issue emails to each department, factory, and publicized reports to all employees. Each department will then send their representative to survey and propose the opinion.

In January, Everpia Vietnam regularly holds the workshop which is the chance for all the departments contributing their ideas to improve the manufacture or trade system; and it is the place for the top management listening and understanding the desires of employee to have prompt solutions to support and increase the legitimate interests of each department.

Since 2011, for each frequency of 6 months, 15 to 20 excellent employees shall be chosen and rewarded with valuable awards, this has been considered as motivating activity to boost the working spirit in both office and manufacturing departments. Besides the regular welfare policies, Everpia Vietnam also has policies to increase employees' benefits, such as the competences allowances, veteran allowances, diligence allowances, and fuel fee support.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Công khai – Công bằng – Bình đẳng là nguyên tắc tuyển dụng của Everpia Việt Nam. Công ty trao cho các ứng viên cơ hội nghề nghiệp ngang nhau, tạo cho họ các cơ hội để sáng tạo và cống hiến. Các cá nhân năng động, chung chí hướng trong nghề nghiệp là điều mà Everpia Việt Nam hướng tới trong chính sách đào tạo, giúp họ hoàn thiện bằng niềm tự hào công việc trong một tổ chức chuyên nghiệp.

Đối với các cá nhân có năng lực, có thành tích xuất sắc nhiều năm và sẵn sàng gắn bó lâu dài, Công ty sẽ lựa chọn và cử đi học nghiệp vụ chuyên sâu tại Hàn Quốc. Các khóa học này giúp họ có thêm cơ hội học hỏi, hoàn thiện bản thân, nâng cao năng lực và khả năng cống hiến trong tương lai.



Cung cấp các sản phẩm vì cộng đồng

Các sản phẩm từ bông, sợi kém chất lượng là nguyên nhân của một số bệnh như dị ứng, hen suyễn mãn tính, thậm chí là ung thư. Cụ thể như chất formaldehyde thường sử dụng trong bảo quản vải, aezo trong thuốc nhuộm hoặc chất nickel trong khóa kim loại... Những sản phẩm ruột chăn, ruột gối,

đệm không đảm bảo độ thoáng khí sẽ tạo môi trường cho vi khuẩn phát triển, tích tụ.

Với tiêu chí chất lượng và an toàn sản phẩm, mọi sản phẩm của Everpia Việt Nam, dù ở phân khúc nào đều an toàn cho người sử dụng và thân thiện với môi trường.



Các hoạt động hỗ trợ thông tin người tiêu dùng

Trong nỗ lực truyền tải thông tin tốt nhất cho người tiêu dùng, Everpia Việt Nam đã kết hợp với Hiệp hội chống hàng giả, hàng nhái; một số phương tiện truyền hình và báo chí nhằm mục đích chia sẻ những kiến thức về an toàn sản phẩm, cách thức phân biệt các sản phẩm chính hãng do Everpia Việt Nam cung cấp với các hàng giả, hàng nhái trên thị trường. Việc làm này giúp cho người tiêu dùng có thêm thông tin liên quan đến vấn đề sức khỏe, đặc tính và tác hại của những sản phẩm kém chất lượng gây ra.

Các hoạt động từ thiện, xã hội

Với triết lý hoạt động "chia sẻ để thành công", không chỉ đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, Everpia Việt Nam còn rất tích cực đóng góp vào các hoạt động từ thiện xã hội. Trong vòng năm năm qua, công ty luôn dành từ 1-2% lợi nhuận cho các hoạt động chia sẻ cùng cộng đồng, chính quyền địa phương sở tại nhằm mang tới cuộc sống tốt đẹp hơn cho các mảnh đời bất hạnh đặc biệt là các em học sinh nghèo hiếu học có hoàn cảnh khó khăn.

Recruitment and Training policies

Publicity - Justice – Equality are the principle of recruitment policy of Everpia Vietnam. The Company offers candidates the equal job opportunities for chances of creation and contribution. Employees, who are active and highly commitment toward the Company, are all in Company's aim for training, educating for improvement.

Competent individuals who show good performance for years and have the long-term commitments working with the company, could be chosen and sent for further education in Korea. These courses give them chances to improve professional ability, skills for higher contribution back to EVE.



Supplying products for the community

The products made from low quality cotton or fibers are the causes of many diseases such as allergy, chronic ashma, or even cancer. Specifically, the formaldehyde, which is normally used in reserving cloth, aezo in dyeing materials or nickel chemical in metal locks, etc. The products such as duvet, pillow, or mattress which have low airy ability could become

a good place for bacteria growing.

With the philosophy to provide the customers safety and high quality products, Everpia Vietnam's products in any section, are safe for the customers and friendly with the environment.



Information supporting activities

In its efforts to transfer the best information to the customers, Everpia Vietnam has cooperate with the Vietnam Association for Anti-counterfeiting and Trademark protection, using means of media to share the knowledge regarding product safety, methods to distinguish the genuine product of Everpia Vietnam and the counterfeits in the markets. This task update customers more information regarding low-quality product consequence to people health.



Social charities

With the philosophy "share to be success", Everpia Vietnam not only enhance its manufacture and trading activities, but also significantly to Social activities contribution. In the last five years, the company has saved from 1 to 2 % of its anual profits for the community and the local governments activities, with the objective to bring the better lives for the poor pupils who have tough conditions.



**VII ĐÁNH GIÁ
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG
PROSPECT**

ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Các rủi ro mang tính ví mô

Rủi ro kinh tế

Một số các yếu tố kinh tế như lãi suất, tín dụng tiêu dùng, niềm tin tiêu dùng, giá trị nhà ở, tỷ lệ thất nghiệp ảnh hưởng đến nhu cầu mua sắm các sản phẩm của công ty. Bên cạnh đó, sự suy giảm của các hoạt động và điều kiện kinh tế trong nước cũng gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Everpia Việt Nam.

Rủi ro tài chính

Hiện nay, các nguyên vật liệu chính của Công ty vẫn chủ yếu được nhập khẩu từ các nước Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan và thực hiện giao dịch bằng USD. Do đó, Công ty không tránh khỏi việc bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái và

lãi suất cho vay của đồng ngoại tệ này.

Để đối phó với các rủi ro này, Everpia Việt Nam xác định việc quản lý chặt chẽ chi phí, tính toán mức lợi nhuận cần thiết cho từng dòng sản phẩm trước khi chào bán là quan trọng. Ngoài ra, việc duy trì tình hình tài chính ít phụ thuộc vào vốn vay và duy trì mối quan hệ tốt với các ngân hàng cũng là một chiến lược của Công ty. Trong các trường hợp cần bổ sung vốn kinh doanh hoặc cần nhu cầu về ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu, ngân hàng sẽ đóng vai trò như một đối tác chiến lược hỗ trợ trong kinh doanh. Thực tế đã chứng minh trong vài năm gần đây, bằng chính sách này, Everpia Việt Nam đã được hỗ trợ các nguồn vốn giá rẻ và được đáp ứng nhu cầu về ngoại tệ theo đúng tỷ giá niêm yết ngân hàng.

Rủi ro trong ngành



Rủi ro giá cả nguyên vật liệu đầu vào

Chi phí nguyên vật liệu của công ty trung bình chiếm khoảng 73% tổng chi phí sản xuất, mà trong đó nguyên liệu chính là vải và xơ thì được nhập khẩu về từ nước ngoài. Sự thay đổi tỷ giá hoặc thuế có thể ảnh hưởng đến giá nhập khẩu nguyên liệu và do đó làm tăng giá bán lẻ sản phẩm hoặc giảm lợi nhuận gộp của công ty. Việc tăng giá thành nguyên vật liệu có thể buộc công ty phải tìm kiếm các nguồn thay thế, mà nhà cung cấp có thể không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, số lượng, tiến độ giao hàng hoặc các điều khoản quan trọng khác.

Bên cạnh đó, sự gia tăng giá xăng dầu có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận của Công ty do chi phí vận chuyển của công ty chiếm 4.3% tổng chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Nếu chi phí vận chuyển vượt quá định mức sẽ dẫn đến sự tăng giá sản phẩm hoặc ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.



Rủi ro Thị trường và Rủi ro Cạnh tranh

Everpia Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các đối thủ mạnh. Bên cạnh đó, Công ty cũng phải đối mặt với các vấn đề hàng giả, hàng nhái thiết kế, kiểu dáng nhưng chấp lượng và giá thành thấp. Nếu công ty không dự đoán trước được những thay đổi trong sở thích của người tiêu dùng, doanh số bán hàng có thể bị ảnh hưởng.

Đối phó với các rủi ro này, một mặt Everpia Việt Nam luôn giữ quan hệ tốt với các nhà cung cấp chính, để kịp thời nắm bắt diễn biến giá cả thị trường đầu vào, từ đó đưa ra quyết định phù hợp về thời điểm mua với số lượng mua nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế tốt nhất cho Công ty. Mặt khác, Công ty có các biện pháp tạo sự khác biệt cho sản phẩm của mình, phối hợp với các cơ quan nhà nước cũng như giới truyền thông để nâng cao sự nhận biết của khách hàng đối với sản phẩm do chính Công ty sản xuất, loại bỏ bớt nạn hàng giả hàng nhái. Bên cạnh đó, sản phẩm của công ty luôn được cập nhật và đổi mới để đáp ứng được những thay đổi thị hiếu của thị trường.

PROSPECT

RISK FACTORS

Risks on macro-economy

Rủi ro kinh tế

Changes in economic conditions including, but not limited to: interest rates, consumer credit availability, consumer confidence, housing values, persistent high unemployment rates, could adversely affect demand for EVE's products and therefore affecting its revenue. A decline in local economic activity and conditions also adversely affect Everpia Vietnam financial condition and operating results.

Financial risk

The Company imports most of main materials from Korea, China, and Thailand which are paid in USD, thus it will inevitably be affected by the fluctuations in exchange rates of VND/USD and interest rates.

To manage these risks, Everpia Vietnam determines its strong expense management and cost-breakdown before sales as

Risks on Business



Risk on material price

Generally, materials expense occupies approximately 73% of the production cost, in which main materials (fiber and fabric) are mostly imported. Change in exchange rates or tariffs could impact the input price, potentially resulting higher retail prices and/or lower gross profit. Besides, materials price increasing may force the Company to find alternative sources of comparable product, which the new source may be unable to meet requirements for quality, quantities, delivery schedules or other key terms & conditions.

Moreover, a significant increase in oil and gasoline prices could adversely affect the Company profitability due to the transportation expense normally occupies 4.3% of the total SG&A cost. If transportation costs exceed participated level rate, it is able to pass on to the consumer price, or the Company's profitability will suffer.



important. Furthermore, maintaining a healthy financial status with low liabilities and good relationship with banks is a strategic decision. Banks shall act as important strategic partners in business in cases of capital and/or USD needs. This fact was proven in recent years when Everpia was supported by cheap capital and USD sources at listed price.

Risk on Market and Competitiveness

Everpia Vietnam must face tough competition from numbers of competitors. In addition, the Company also faces problems of low-quality and low-price imitation designs and models. Failing to identify and respond to these changes, the Company sales may decline.

To cope these risks, Everpia Vietnam keeps good relationships with its main suppliers for timely update material market-price situation, by then placing purchase order with reasonable quantity in order to get the highest benefit. Additionally, the Company has ways to diversify its products, cooperate with state authorities and public media to increase consumer awareness of the Company's products, thereby decreasing imitated items. Otherwise, Everpia Vietnam's products must appeal to its target consumers whose preferences cannot be predicted with certainty and are subject to change. Its success depends upon ability to anticipate and respond in a timely manner to fashion trends relating to bedding.

ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG NĂM 2014



Trong năm 2014, tuy tình hình có cải thiện hơn, nhưng về cơ bản nền kinh tế chưa kịp phục hồi, nguy cơ tái lạm phát cao, người dân còn hạn chế tiêu dùng, tăng tiết kiệm, lãi suất ngân hàng giảm không đáng kể, thị trường bất động sản vẫn đóng băng thì các công ty sản xuất mặt hàng tiêu dùng như Everpia Việt Nam sẽ còn gặp nhiều khó khăn. Ngay từ thời điểm đầu năm, doanh thu bán hàng các sản phẩm chăn ga gối đệm cũng như bông tấm đã giảm so với cùng kỳ năm 2013. Chính vì lẽ đó, phía công ty có những thay đổi cơ bản trong chính sách bán hàng và quản lý và đa dạng hóa danh mục sản phẩm nhằm ổn định vượt qua được khó khăn, tạo đà phát triển theo kế hoạch đã đề ra cho 5 năm tới.

- Mở rộng thị trường sang mảng nội thất với thương hiệu Everon Furniture (đồ nội thất bằng gỗ tự nhiên) do đối tác sản xuất và EVE phân phối; và Everon Home décor (sản phẩm dành cho các bà nội trợ) do Công ty sản xuất. Tháng 2 năm 2014, Công ty đã chính thức khai trương ra mắt thương hiệu Everon Furniture. Sản phẩm nội thất được bán tại các showroom, các đại lý, và trên website của Công ty. Chính sách giao hàng và lắp đặt tận nơi là một trong những điểm mạnh mà Công ty đã, đang và sẽ duy trì. Everpia Việt Nam muốn cung cấp dịch vụ tốt nhất đến khách hàng, xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp cho dòng sản phẩm nội thất.

- Phát triển thị trường thứ cấp: Thị trường thứ cấp còn rất nhiều tiềm năng cho dòng sản phẩm bình dân Edelin của Công ty tham gia. Công ty sẽ áp dụng chiến lược chính sách giá khuyến mại có chọn lọc trong các dịp lễ hội truyền thống hoặc các sự kiện bán hàng ra mắt các thiết kế mới.
- Ghi nhận sự tăng trưởng của doanh thu từ Đệm Lò Xo trong 3 năm qua, Công ty dự kiến lắp đặt thêm dây chuyển Đệm Lò xo theo tiêu chuẩn chất lượng của Mỹ đáp ứng nhu cầu của thị trường bán lẻ và các khách sạn.

Mục tiêu cho doanh thu và lợi nhuận sau thuế

Với các khó khăn trước mắt trong năm 2014, việc duy trì tốc độ tăng trưởng cao về doanh thu và lợi nhuận, tính ổn định trong tỷ suất lợi nhuận gộp là không dễ thực hiện. Tuy nhiên, cố gắng khai thác tối đa các thế mạnh của mình, thực hiện chính sách tiết kiệm, quản lý chi phí chặt chẽ, và kỳ vọng sự ấm dần của thị trường nhà ở & bất động sản, Everpia Việt Nam đã đưa ra một kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận có tăng trưởng cho năm 2014.

2014 OUTLOOK



In 2014, the economy has not recovered yet; potential risk of deflation, consumers reduce consuming and increase saving, frozen real estate market, high bank interest rate is still high. All of which leaves consumer goods production companies such Everpia facing many difficulties. Since the beginning of the year, revenues from beddings and paddings have decreased in comparison with the same period of 2013. Thus, the Company has instituted principle changes in sales and management policy and diversify product categories in order to get over the hard year, and to prepare for high development in the coming years.

- Everpia Vietnam has launched two new brands called Everon Furniture (bedroom furniture made of natural wood) and Everon Home Décor (towels and housewives' products). The furniture is manufactured by EVE's partner and distributed by EVE. Home textile products are produced by the Company. Home furnishing is sold in the Company's retail stores and via its website. Delivery is the touch point with the consumer and is one reason why the Company will have not outsourced this function. Everpia Vietnam wants to provide its customers a best in class service, which will build a great reflection of the Everon Furniture brand. This delivery system continues to improve, and more routes completed in established times.

- Developing low-end market: There are a number of available "empty boxes" within our geographic footprint for Edelin to consider. EVE merchandising strategy will be using promotional pricing selectively during traditional holiday and other sales events to highlight specific products or categories.
- Recognize the revenue growth from spring mattresses in the last 3 years, Everpia Vietnam expects to install more spring mattresses line under U.S. quality standards to meet the needs of the potential retail and hotel market.

Sales Target and NPAT

With difficulties in 2014, maintaining the growth rate of sales and profit, maintaining a stable gross profit margin is not easy work. However, by combining the exploitation of all existing strengths with tight management policy, Everpia Vietnam total sales for 2014 is expected to be positive given the recent momentum and the expected housing sales increases.

ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG 5 NĂM



Đối với thị trường sản phẩm chăn ga gối đệm

Định hướng phát triển chung của toàn công ty đã đề ra cho giai đoạn 2011 đến 2015 là mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường và mở rộng danh mục sản phẩm. Tính đến hết năm 2013, sau khi nhà máy Hưng Yên đi vào hoạt động, mục tiêu đầu tiên của công ty về cơ bản đã hoàn thành. Đối với hai mục tiêu còn lại, việc dự phóng tình hình thị trường để nắm bắt nhu cầu và sở thích của khách hàng là quan trọng.

Bộ nhận diện thương hiệu sẽ phát huy tác dụng

Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu chuyên nghiệp sẽ đưa Everpia Việt Nam vượt xa các đối thủ cạnh tranh của mình, đặc biệt khi chiến lược này đi đôi với các chương trình tiếp thị mạnh mẽ. Đa số khách hàng tiềm năng nhớ những gì họ đã nhìn thấy hơn là những gì đã nghe, vì vậy xây dựng hình ảnh nhận biết gắn liền với hoạt động kinh doanh và sử dụng các hình ảnh thiết kế riêng biệt trên các vật liệu, sản phẩm của Công ty giúp Everpia Việt Nam dễ đi vào tiềm thức trong tâm trí khách hàng. Bên cạnh đó, bộ nhận diện thương hiệu chuyên nghiệp sẽ giúp Công ty khẳng định được vị trí của mình trên thị trường Chăn - ga - gối - đệm và cho thấy Công ty đang phát triển ổn định. Những lợi ích này sẽ thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Everpia Việt Nam trong dài hạn, vì vậy khoản đầu tư chi phí cho phát triển bộ nhận diện thương hiệu là hợp lý trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Đối với thị trường sản phẩm Bông tằm

Với mục tiêu duy trì lĩnh vực kinh doanh bông tằm như là một ngành hàng cơ sở, việc giữ vững thị trường cùng các mối quan hệ bạn hàng lâu dài là rất quan trọng. Trong những năm gần đây, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt do sự xuất hiện của các

đối thủ mới và sự liên tục mở rộng sản xuất của các đối thủ hiện thời đang đặt ra cho công ty những thách thức mới. Cạnh tranh về giá đang là chiến lược mà các đối thủ của Everpia Việt Nam đang sử dụng để thu hút khách hàng, tuy nhiên việc liên tục hạ thấp giá thành cũng sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận mà các công ty thu được. Vì thế, Công ty một mặt đưa ra mức giá hợp lý để vẫn đảm bảo về lợi nhuận, mặt khác tận dụng những lợi thế của doanh nghiệp đi đầu trên thị trường như: hệ thống sản phẩm đa dạng với chất lượng ổn định, năng lực sản xuất lớn, đội ngũ công nhân và bộ phận kinh doanh giàu kinh nghiệm cùng các mối quan hệ làm ăn lâu dài với các khách hàng lớn và truyền thống. Đặc biệt, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh các loại bông cao cấp có lợi nhuận cao theo Giấy phép độc quyền của Invista (Hoa Kỳ), Advansa (Đức), cũng như thương hiệu bông loại mỏng chất lượng cao "Dexfil" của chính Everpia Việt Nam.

Đối với ngành hàng Nội thất

Everpia Việt Nam tin rằng Everon Furniture có vị trí riêng biệt trên thị trường, khác với các chuỗi cửa hàng đồ nội thất giá cả cạnh tranh khác. Everon Furniture nhắm đến khách hàng có thu nhập khá. Xây dựng đội ngũ giao hàng và lắp đặt nhanh chóng, chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu của khắp các tỉnh thành dựa trên hệ thống đại lý có sẵn là lợi thế cạnh tranh của công ty. Everpia Việt Nam áp dụng phương pháp omni-channel mà các đối thủ cạnh tranh không có hoặc không thể đáp ứng. Bên cạnh đó, đội ngũ nhân viên bán hàng và dịch vụ chăm sóc khách hàng sẽ tạo nên lợi thế cạnh tranh và là yếu tố thành công của ngành hàng Nội thất.

PROSPECT FOR THE NEXT 5 YEARS

For Bedding Business

The common strategic directions of Everpia Vietnam in 5 years (2011 – 2015) are expanding production, market and product categories. Until the end of 2013, when the Hung Yen factory begins operation, the 1st target will be basically completed, and the others will depend mostly on marketing forecasts of consumers' tastes and needs.

Short-term investment brings higher benefits in long-term

A well-designed logo and an identity system can put Everpia Vietnam far above the competition, especially when it is paired with a strong marketing program. Most people better remember what they see than what they hear or read. So having graphics associated with EVE's business and having consistent graphics on its materials make the Company more likely to come to the forefront of potential clients' minds when they have a need for EVE's goods or services. These benefits will boost business and confidence of Everpia Vietnam, hence investment for developing a logo and identity is reasonable in a sustainable business strategy.

For Padding Business

With the aim to keep the Padding Business as an industry base, maintaining market share via long-term customer relationships is very important. In recent years, tougher competition due to the emergence of new competitors and the ongoing expansion of existing rivals raising a new set of challenges for the Company. Price competition is a strategy which rivals are using to attract customers; however, continuously lowering their prices also reduces the profits that those companies earn. Thus, given a reasonable price to ensure profitability and take advantages of the Company such as diversified product system, stable quality, experienced employees as well as long-term relationships with major and traditional customers. In particular, Everpia Vietnam contin-



ues to maintain proprietary and high-profit trading activities under the padding business license of Invista (United States), and the low denier padding "Dexfil".

For Everon Furniture

Everpia Vietnam believes Everon Furniture is uniquely positioned in the marketplace, with a targeted mix of merchandise that appeals to customers who are somewhat more affluent than those of competitive price-oriented furniture store chains. The Company's ability to make prompt delivery of orders and tailoring merchandise to customers' desires on a local market basis are its believe significant competitive advantages. Everpia Vietnam believes its on-line presence provides an omni-channel approach that many of our competitors do not have or can not replicate. EVE also consider experienced sales personnel and excellent customer service as important factors in the Company's competitive success.

Dự báo tình hình tài chính 2014 – 2018 / Anticipated performance from 2014 – 2018

Khoản mục	Section	2014	2015	2016	2017	2018
Doanh thu thuần	Net Sales	800,000	978,271	1,145,713	1,356,817	1,614,473
Thu nhập từ HĐKD	Operating income	113,091	127,724	158,470	187,605	236,506
Lợi nhuận trước thuế	Profit before tax	120,714	130,910	160,055	189,191	236,278
Lợi nhuận thuần	Net profit after tax	90,000	102,110	124,843	147,569	184,297
Tăng trưởng (n / n)	Growth (yr / yr)					
Doanh thu	Net sales	12.1%	22.3%	17.1%	18.4%	19.0%
Thu nhập từ HĐKD	Operating income	-2.9%	12.9%	24.1%	18.4%	26.1%
Lợi nhuận trước thuế	Profit before tax	4.0%	13.4%	22.3%	18.2%	24.9%



**VIII BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
AUDITED CONSOLIDATED
FINANCIAL STATEMENTS**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch
Ông Cho Yong Hwan	Ủy viên
Ông Lee Je Won	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đào	Ủy viên
Bà Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên
Ông Jean - Charles Belliol	Ủy viên
Ông Ngô Phương Chí	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính
Ông Lee JeWon	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Ông Park Sung Jin	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lee Jae Eun
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

The Board of Directors of Everpia Vietnam Joint Stock Company (the "Company") presents this report together with the Company's consolidated financial statements for the year ended 31 December 2013.

THE BOARDS OF MANAGEMENT AND DIRECTORS

The members of the Boards of Management and Directors of the Company who held office during the year and to the date of this report are as follows:

Board of Management

Mr. Lee Jae Eun	Chairman
Mr. Cho Yong Hwan	Member
Mr. Lee Je Won	Member
Mr. Nguyen Van Dao	Member
Ms. Le Thi Thu Hien	Member
Mr. Jean - Charles Belliol	Member
Mr. Ngo Phuong Chi	Member

Ban Giám đốc

Mr. Lee Jae Eun	General Director
Mr. Cho Yong Hwan	Deputy General Director
Mr. Kwon Sung Ha	Finance Director
Mr. Nguyen Van Đào	General Affair Director
Mr. Lee JeWon	Ho Chi Minh City Branch Director
Mr. Park Sung Jin	Dong Nai Branch Director

BOARD OF DIRECTORS' STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Board of Directors of the Company is responsible for preparing the consolidated financial statements of each year, which give a true and fair view of the financial position of the Company and of its results and cash flows for the year in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. In preparing these consolidated financial statements, the Board of Directors is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements;
- Prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the consolidated financial statements so as to minimise errors and frauds.

The Board of Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and that the consolidated financial statements comply with Vietnamese accounting standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. The Board of Directors is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

The Board of Directors confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these consolidated financial statements.

For and on behalf of the Board of Directors,



Lee Jae Eun
 General Director
 Hanoi, 18 March 2014

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2013, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
 Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số 0145 - 2013 - 001 - 1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2014
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Lan Hương
Kiểm toán viên
 Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 Số 0898-2013-001-1

To: The Shareholders, the Boards of Management and Directors Everpia Vietnam Joint Stock Company

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Everpia Vietnam Joint Stock Company (the "Company"), prepared on 15 March 2013 as set out from page 4 to page 26, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2013, and the consolidated statement of income, and consolidated statement of cash flows for the year then ended, and a summary of significant accounting policies and other explanatory information (collectively referred to as the "financial statements").

Management's Responsibility for the Financial Statements

Management is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion

In our opinion, the accompanying consolidated financial statements give a true and fair view of, in all material respects, the financial position of the Company as at 31 December 2013, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese accounting standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.



Hoàng Nam
Deputy General Director
 Audit Practising Registration
 Certificate No. 0030-2013-001-1

For and on behalf of
DELOITTE VIETNAM COMPANY LIMITED

Hanoi, 18 March 2014
 Hanoi, S.R. Vietnam

Hoàng Lan Hương
Auditor
 Audit Practising Registration
 Certificate No. 0898-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT / CONSOLIDATED BALANCE SHEET

ĐVT/ Unit: VND

TÀI SẢN ASSETS	MÃ SỐ CODES	THUYẾT MINH NOTES	31/12/2013 Dec 31 st 2013	31/12/2012 Dec 31 st 2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) <i>CURRENT ASSETS (100=110+120+130+140+150)</i>	100		593,967,907,207	588,488,692,218
I. Tiền và các khoản tương đương tiền <i>Cash and cash equivalents</i>	110	5	51,350,127,079	107,330,448,733
1. Tiền <i>1. Cash</i>	111		14,754,381,616	17,382,948,702
2. Các khoản tương đương tiền <i>2. Cash equivalents</i>	112		36,595,745,463	89,947,500,031
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn <i>Short-term financial investments</i>	120		105,858,839,889	75,903,746,164
1. Đầu tư ngắn hạn <i>1. Short-term financial investments</i>	121	6	105,858,839,889	75,903,746,164
III. Các khoản phải thu ngắn hạn <i>Short-term receivables</i>	130		124,033,760,783	96,644,762,367
1. Phải thu khách hàng <i>1. Trade accounts receivable</i>	131		115,960,859,621	74,750,059,046
2. Trả trước cho người bán <i>2. Advances to suppliers</i>	132		11,442,644,376	23,996,566,766
3. Các khoản phải thu khác <i>3. Other receivables</i>	135		2,707,245,475	3,762,111,998
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi <i>4. Provision for short-term doubtful debts</i>	139		(6,076,988,689)	(5,863,975,443)
IV. Hàng tồn kho <i>Inventories</i>	140	7	297,338,629,707	292,415,175,565
1. Hàng tồn kho <i>1. Inventories</i>	141		297,338,629,707	292,415,175,565
V. Tài sản ngắn hạn khác <i>Other short-term assets</i>	150		15,386,549,749	16,194,559,389
1. Chi phí trả trước ngắn hạn <i>1. Short-term prepayments</i>	151		2,311,288,608	3,435,016,139
2. Thuế GTGT được khấu trừ <i>2. VAT deductibles</i>	152		11,687,366,607	8,552,946,042
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước <i>3. Taxes and other receivables from the State budget</i>	154		150,000,000	150,000,000
4. Tài sản ngắn hạn khác <i>4. Other short-term assets</i>	158		1,237,894,534	4,056,597,208
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260) <i>NON-CURRENT ASSETS (200=220+250+260)</i>	200		293,020,598,883	310,813,813,905
I. Tài sản cố định <i>Fixed assets</i>	220		274,868,721,212	293,024,353,042
1. Tài sản cố định hữu hình <i>1. Tangible fixed assets</i>	221	8	250,736,009,032	272,381,084,342
- Nguyên giá <i>- Cost</i>	222		407,449,034,689	405,047,888,625
- Giá trị hao mòn lũy kế <i>- Accumulated depreciation</i>	223		(156,713,025,657)	(132,666,804,283)
2. Tài sản cố định vô hình <i>2. Intangible fixed assets</i>	227	9	16,887,712,180	18,833,892,336
- Nguyên giá <i>- Cost</i>	228		38,048,647,876	37,465,687,876
- Giá trị hao mòn lũy kế <i>- Accumulated amortisation</i>	229		(21,160,935,696)	(18,631,795,540)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang <i>3. Construction in progress</i>	230	10	7,245,000,000	1,809,376,364
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn <i>Long-term financial investments</i>	250		2,638,200,000	1,397,200,000
1. Đầu tư dài hạn khác <i>1. Other long-term investments</i>	258	11	2,638,200,000	1,397,200,000
III. Tài sản dài hạn khác <i>Other long-term assets</i>	260		15,513,677,671	16,392,260,863
1. Chi phí trả trước dài hạn <i>1. Long-term prepayments</i>	261	12	14,266,301,313	15,475,489,271
2. Tài sản dài hạn khác <i>2. Other long-term assets</i>	268		1,247,376,358	916,771,592
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) <i>TOTAL ASSETS (270=100+200)</i>	270		886,988,506,090	899,302,506,123

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT / CONSOLIDATED BALANCE SHEET

ĐVT/ Unit: VND

NGUỒN VỐN RESOURCES	MÃ SỐ CODES	THUYẾT MINH NOTES	31/12/2013 Dec 31 st 2013	31/12/2012 Dec 31 st 2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) <i>LIABILITIES (300=310+330)</i>	300		108,966,147,483	177,267,246,030
I. Nợ ngắn hạn <i>Current liabilities</i>	310		94,649,416,456	160,380,225,112
1. Vay và nợ ngắn hạn <i>1. Short-term loans and liabilities</i>	311	13	1,311,440,000	38,882,404,665
2. Phải trả người bán <i>2. Trade accounts payable</i>	312		45,627,379,899	45,891,110,386
3. Người mua trả tiền trước <i>3. Advances from customers</i>	313		2,963,363,219	4,426,974,747
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <i>4. Taxes and amounts payable to the State budget</i>	314	14	29,456,478,013	38,148,468,096
5. Phải trả người động <i>5. Payables to employees</i>	315		8,242,182,443	6,411,151,367
6. Chi phí phải trả <i>6. Accrued expenses</i>	316		2,149,275,855	1,438,135,032
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác <i>7. Other current payables</i>	319	15	4,899,297,027	25,181,980,819
II. Nợ dài hạn <i>Long-term liabilities</i>	330		14,316,731,027	16,887,020,918
1. Phải trả dài hạn khác <i>1. Other long-term payables</i>	333		821,868,000	321,868,000
2. Dự phòng phải trả dài hạn khác <i>2. Other long-term Provision</i>	336		2,484,603,536	2,165,152,918
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ <i>3. Scientific and technological development fund</i>	339		11,010,259,491	14,400,000,000
B. NGUỒN VỐN (400=410) <i>EQUITY (400=410)</i>	400		777,271,965,443	720,986,771,177
I. Vốn chủ sở hữu <i>Shareholders' equity</i>	410	16	777,271,965,443	720,986,771,177
1. Vốn điều lệ <i>1. Charter capital</i>	411		279,865,180,000	279,865,180,000
2. Thặng dư vốn cổ phần <i>2. Share premium</i>	412		191,000,000,000	191,000,000,000
3. Cổ phiếu quỹ <i>3. Treasury shares</i>	414		(10,491,434,356)	(10,491,434,356)
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <i>4. Other shareholders' funds</i>	419		11,033,838,777	9,010,799,401
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <i>5. Retained earnings</i>	416		32,749,178	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <i>6. Retained earnings</i>	420		305,831,631,844	251,602,226,132
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ <i>MINORITY INTERESTS</i>	439		750,393,164	1,048,488,916
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) <i>TOTAL RESOURCES (440=300+400)</i>	440		886,988,506,090	899,302,506,123



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
General Director

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Deputy General Director in charge of Finance

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Preparer

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014 / Hanoi, 18 March 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

ĐVT/ Unit: VND

CHỈ TIÊU ITEMS	MÃ SỐ CODES	THUYẾT MINH NOTES	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng <i>1. Gross revenue from goods sold</i>	01		752,596,898,265	680,772,052,866
2. Các khoản giảm trừ doanh thu <i>2. Deductions</i>	02		2,094,168,369	343,682,356
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02) <i>3. Net revenue from goods sold (10=01-02)</i>	10	18	750,502,729,896	680,428,370,510
4. Giá vốn hàng bán <i>4. Cost of goods sold</i>	11	19	474,281,220,963	446,812,449,682
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11) <i>5. Gross profit from goods sold (20=10-11)</i>	20		276,221,508,933	233,615,920,828
6. Doanh thu hoạt động tài chính <i>6. Financial income</i>	21	20	10,358,555,465	13,451,855,764
7. Chi phí tài chính (Trong đó: Chi phí lãi vay) <i>7. Financial expenses (In which: Interest expense)</i>	22 23	21	4,841,580,094 1,716,445,439	4,801,646,648 2,657,416,827
8. Chi phí bán hàng <i>8. Selling expenses</i>	24		80,686,627,259	70,410,422,994
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>9. General and administration expenses</i>	25		86,576,596,525	78,015,578,430
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25)) <i>10. Operating profit (30=20+(21-22)-(24+25))</i>	30		114,475,260,520	93,840,128,520
11. Thu nhập khác <i>11. Other income</i>	31		3,046,540,013	3,009,590,459
12. Chi phí khác <i>12. Other expenses</i>	32		1,162,567,960	768,555,572
13. Lợi nhuận khác (40=31-32) <i>13. Profit from other activities (40=31-32)</i>	40		1,883,972,053	2,241,034,887
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) <i>14. Accounting profit before tax (50=30+40)</i>	50		116,359,232,573	96,081,163,407
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành <i>15. Current corporate income tax expense</i>	51		31,402,253,359	21,517,530,527
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) <i>16. Net profit after corporate income tax (60=50-51)</i>	60		84,956,979,214	74,563,632,880
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số <i>Minority interests</i>	61		(297,581,191)	(162,043,090)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ(62= 60-61)" <i>Profit after corporate income tax attributable to shareholders of the Company (62=60-61)</i>	62		85,254,560,405	74,725,675,970
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu <i>17. Basic earnings per share</i>	70	22	3,099	3,048



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
General Director

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Deputy General Director in charge of Finance

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Preparer

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014 / Hanoi, 18 March 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT / CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

ĐVT/ Unit: VND

CHỈ TIÊU ITEMS	MÃ SỐ CODES	2013	2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <i>CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</i>			
1. Lợi nhuận trước thuế <i>1. Profit before tax</i>	01	116,359,232,573	96,081,163,407
2. Điều chỉnh cho các khoản: <i>2. Adjustments for:</i>			
Khấu hao tài sản cố định <i>Depreciation and amortisation</i>	02	29,598,980,470	21,762,794,079
Các khoản dự phòng <i>Provisions</i>	03	213,013,246	1,138,122,039
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <i>Unrealised foreign exchange (gain)</i>	04	(95,625,937)	(94,534,626)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư <i>(Gain) from investing activities</i>	05	(8,456,449,700)	(11,435,187,026)
Chi phí lãi vay <i>Interest expense</i>	06	1,716,445,439	2,657,416,827
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động <i>3. Operating profit before movements in working capital</i>	08	139,335,596,091	110,109,774,700
Biến động các khoản phải thu <i>Changes in receivables</i>	09	(40,826,949,523)	12,110,883,672
Biến động hàng tồn kho <i>Changes in inventories</i>	10	(4,923,454,142)	68,218,903,036
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) <i>Changes in accounts payable (not including accrued interest and corporate income tax payable)</i>	11	7,967,792,261	31,868,007,033
Biến động chi phí trả trước và tài sản khác <i>Changes in prepaid expenses and other assets</i>	12	6,184,498,496	192,365,782
Tiền lãi vay đã trả <i>Interest paid</i>	13	(2,088,101,036)	(3,086,834,592)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp <i>Corporate income tax paid</i>	14	(41,820,498,444)	(29,606,456,783)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh <i>Other cash outflows</i>	16	(2,110,781,189)	(2,815,775,800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Net cash (used in) operating activities</i>	20	61,718,102,514	186,990,867,048
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ <i>CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</i>			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang <i>1. Acquisition of fixed assets and construction in progress</i>	21	(31,511,087,893)	(115,500,673,478)
2. Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn <i>2. Cash outflow for short-term investments</i>	23	(119,449,434,096)	(141,597,083,664)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác <i>3. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities</i>	24	89,494,340,371	89,387,337,500
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác <i>4. Investments in other entities</i>	25	(1,241,000,000)	(374,000,000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia <i>5. Interest earned, dividends and profits received</i>	27	9,828,778,615	11,091,614,198
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư <i>Net cash (used in) investing activities</i>	30	(52,878,403,003)	(156,992,805,44)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT / CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

CHỈ TIÊU ITEMS	MÃ SỐ CODE	2013	2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành <i>2. Buying treasury shares</i>	32	-	(8,029,311,342)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được <i>3. Proceeds from borrowings</i>	33	87,013,746,241	110,756,900,824
4. Tiền chi trả nợ gốc vay <i>4. Repayment of borrowings</i>	34	(123,743,270,906)	(110,413,686,269)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông <i>5. Dividends paid</i>	36	(28,090,496,500)	(34,384,543,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính <i>Net cash (used in)/from financing activities</i>	40	(64,820,021,165)	(42,070,639,787)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM NET (DECREASE) IN CASH			
Tiền và tương đương tiền đầu năm <i>Cash and cash equivalents at the beginning of the year</i>	60	107,330,448,733	119,403,026,916
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CASH AND CASH EQUIVALENTS AT THE END OF THE YEAR			
	70	51,350,127,079	107,330,448,733

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 2.100.000.000 VND (năm 2012: 1.492.944.017 VND), là số tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả

Supplemental non-cash disclosures

Cash outflows for purchases of fixed assets and construction in progress during the year exclude an amount of VND 2,100,000,000 (2012: VND 1,492,944,017 VND), representing an addition in fixed assets during the year that has not yet been paid. Consequently, changes in accounts payable have been adjusted by the same amount.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
General Director

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Deputy General Director in charge of Finance

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Preparer

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014 / Hanoi, 18 March 2014



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

1 - THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 011033000055, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2007 và các chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Công ty có thời hạn hoạt động 40 năm kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2003.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.052 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.028).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các Công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp với vốn điều lệ là 9.600.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất nệm và các sản phẩm liên quan. Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty, tương đương 5.568.000.000 VND. Số vốn các cổ đông thực góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 4.125.000.000 VND, trong đó, số vốn Công ty thực góp là 2.395.160.000 VND. Trong tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam đã bán hết tài sản và hàng tồn kho, tạm ngừng hoạt động. Việc tiếp tục hoạt động của Công ty trong thời gian tới chưa được Ban giám đốc Công ty đánh giá và phụ thuộc vào quyết định của Cổ đông.

- Công ty TNHH Everpia Campuchia thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số Co.2428 E/2012 ngày 13 tháng 9 năm 2012 do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp với vốn điều lệ là 1.200.000.000 KHR (tương đương 10.444.000.000 VND), thuộc sở hữu 100% của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số vốn Công ty đã góp đủ vào công ty con này. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH Everpia Campuchia là kinh doanh, mua bán, trao đổi, xuất nhập khẩu các loại hàng hóa; cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, cung cấp dịch vụ đào tạo; cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính.

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

2 - CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3 - ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1 - GENERAL INFORMATION

Structure of ownership

Everpia Vietnam Joint Stock Company (“the Company”) was established and transformed from a wholly foreign invested company - Everpia Vietnam Company Limited under Investment Certificate No. 011033000055 dated 27 April 2007 issued by Hanoi People's Committee, as amended. The Company's operating duration is 40 years from 04 September 2003.

The Company's office is located at Duong Xa Commune, Gia Lam District, Hanoi.

The number of employees as at 31 December 2013 was 1,052 (31 December 2012: 1,028).

As at 31 December 2013, the Company has subsidiaries as follows:

- Mattpia Vietnam Joint Stock Company which was established under Investment Certificate No. 051033000003 dated 30 July 2008 issued by Hung Yen Department of Planning and Investment with the charter capital of VND 9,600,000,000. Its main business activities are to manufacture mattress and related products, to import mattress and related products materials. Under this subsidiary's Investment Certificate, the Company's share is 58% of the total charter capital of Mattpia Vietnam Joint Stock Company, equivalent to VND 5,568,000,000. The contributed capital is VND 4,125,000,000 as at 30 June 2013, in which the Company's capital contribution was VND 2,395,160,000. In December 2013, Mattpia Vietnam Joint Stock Company had sold out its production facilities and inventory and stopped operation. The Company's ability to continue is not yet assessed by management and is dependent on shareholders' final decision. As at 31 December 2013, this subsidiary is planning to dissolve.

- Everpia Cambodia Co., Ltd. which was established under Investment Certificate No. Co. 2428 E/2012 dated 13 September 2012 issued by the Ministry of Commerce of Kingdom of Cambodia with the charter capital of KHR 1,200,000,000, 100% of which was owned by the Company. The Company's capital contribution is KHR 1,200,000,000 (equivalent to VND 10,444,000,000) as at 30 June 2013. Its main business activities are trading, importing and exporting goods; providing health care services, providing education services; providing financial advisory services.

Principal activities

The principal activities of the Company are to produce non-knitting cloth, filter cloth, wool, blanket, bedding, padding, pillow, knapsacks, bags, underclothing and other garment products.

2 - ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Accounting convention

The accompanying consolidated financial statements, expressed in Vietnam Dong (VND), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese accounting standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.

Financial year

The Company's financial year begins on 01 January and ends on 31 December.

3 - ADOPTION OF NEW ACCOUNTING GUIDANCE

New guidance on management, usage and depreciation of fixed assets

On 25 April 2013, the Ministry of Finance issued Circular No. 45/2013/TT-BTC (“Circular 45”) guiding the regime of management, usage and depreciation of fixed assets. This Circular supersedes Circular No. 203/2009/TT-BTC (“Circular 203”) dated 20 October 2009 of the Ministry of Finance guiding the regime of management, usage and depreciation of fixed assets. Circular 45 is effective from 10 June 2013 and is applied from financial year 2013 onwards. According to the Board of Directors' assessment, Circular 45 does not have material effect on the Company's consolidated financial statements for the year ended 31 December 2013.

New guidance on provision for impairment of long-term investments into other entities

On 28 June 2013, the Ministry of Finance issued Circular No. 89/2013/TT-BTC (“Circular 89”) amending and supplementing Circular No. 228/2009/TT-BTC (“Circular 228”) dated 07 December 2009 of the Ministry of Finance guiding the appropriation and use of provisions for devaluation of inventories, losses of financial investments, bad debts and warranty for products, goods and construction and installation works at enterprises. Circular 89 shall be effective starting from 26 July 2013. According to the Board of Directors' assessment, Circular 89 does not have material effect on the Company's consolidated financial statements for the year ended 31 December 2013.

4 - TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4 - SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these consolidated financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of consolidated financial statements in conformity with Vietnamese accounting standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting requires management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the consolidated financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the management's best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Basis on consolidation

The consolidated financial statements incorporate the financial statements of the Company and enterprises controlled by the Company (its subsidiaries) up to 31 December each year. Control is achieved where the Company has the power to govern the financial and operating policies of an investee enterprise so as to obtain benefits from its activities.

The results of subsidiaries acquired or disposed of during the year are included in the consolidated income statement from the effective date of acquisition or up to the effective date of disposal, as appropriate.

Where necessary, adjustments are made to the financial statements of subsidiaries to bring the accounting policies used in line with those used by the Company.

All inter-company transactions and balances between group enterprises are eliminated on consolidation.

Minority interests in the net assets of consolidated subsidiaries are identified separately from the Company's equity therein. Minority interests consist of the amount of those interests at the date of the original business combination (see below) and the minority's share of changes in equity since the date of the combination. Losses applicable to the minority in excess of the minority's interest in the subsidiary's equity are allocated against the interests of the Company except to the extent that the minority has a binding obligation and is able to make an additional investment to cover the losses.

Business combinations

On acquisition, the assets and liabilities and contingent liabilities of a subsidiary are measured at their fair values at the date of acquisition. Any excess of the cost of acquisition over the fair values of the identifiable net assets acquired is recognised as goodwill. Any deficiency of the cost of acquisition below the fair values of the identifiable net assets acquired is credited to profit and loss in the period of acquisition. The interest of minority shareholders is initially measured at the minority's proportion of the net fair value of the assets, liabilities and contingent liabilities recognised.

Financial instruments

Initial recognition

Financial assets

At the date of initial recognition, financial assets are recognised at cost plus transaction costs that are directly attributable to the acquisition of the financial assets. Financial assets of the Company comprise cash and cash equivalents, trade receivables and other receivables, financial investments.

Financial liabilities

At the date of initial recognition financial liabilities are recognised at cost net of transaction costs that are directly attributable to the issue of the financial liabilities. Financial liabilities of the Company comprise trade payables, other payables, borrowings and accrued expenses.

Subsequent measurement after initial recognition

Currently there are no requirements for the subsequent measurement of the financial instruments after initial recognition.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits and short-term, highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

4 - TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013(số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	2013 (số năm)
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15
Phần mềm máy tính	04
Tài sản vô hình khác	04

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê mặt bằng thể hiện số tiền thuê trả trước tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại theo giấy chứng nhận đầu tư của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian theo các quy định kế toán hiện hành.

4 - SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

Provision for doubtful debts

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more, or when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labour costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost is calculated using the weighted average method. Net realisable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current prevailing relevant regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have costs higher than net realisable values as at the consolidated balance sheet date.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working condition and location for their intended use.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

	2013 (years)
Buildings and structures	25 - 30
Machinery and equipment	06 - 15
Office equipment	06 - 08
Motor vehicles	09 - 10
Others	04 - 10

Intangible assets and amortisation

Intangible assets are stated at cost less accumulated amortisation, which represent trademark, distribution channel, computer software and other intangible assets. Intangible assets are amortised using the straight-line method over their useful lives as follows:

	2013 (years)
Trademark	20
Distribution channel	15
Computer software	04
Others	04

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental or administrative purposes, or for the purposes not yet determined, are carried at cost. Cost includes professional fees, and for qualifying assets, borrowing costs dealt with in accordance with the Company's accounting policy. Depreciation of these assets, on the same basis as other property assets, commences when the assets are ready for their intended use.

Long-term prepayments

Long-term prepayments represent showroom rentals and other long-term prepayments.

Showroom rental prepayments present rentals for showroom at Keangnam Tower, Phạm Hùng Street, Hanoi for 45 years from 2012. Rentals are allocated in the income statement using the straight-line method over the Company's remained licensed period of 32 years from 2012, in accordance with its Investment certificate.

Other long-term prepayments comprise costs of small tools, supplies and spare parts that are expected to provide future economic benefits to the Company for more than one year. These costs have been capitalised as long-term prepayments and allocated to the income statement using the straight-line method over the period in accordance with the current prevailing accounting regulations.

4 - TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trợ cấp nghỉ việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trợ cấp thôi việc phải trả này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4 - SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

Revenue recognition

Revenue from the sale of goods is recognised when all five (5) following conditions are satisfied:

- (a) the Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- (b) the Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the goods sold;
- (c) the amount of revenue can be measured reliably;
- (d) it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- (e) the costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Job termination allowance

Job termination allowance is accrued at the end of each reporting period for all employees having worked for the Company for more than 12 months as of 31 December 2008 with the allowance made for each year of service up to 31 December 2008 equaling to a half of an average monthly salary under the Labour Code, Social Insurance Code and relevant guiding documents. The average monthly salary used for calculation of severance allowance shall be adjusted to be the average of 6 consecutive months nearest to the date of the consolidated financial statements at the end of each reporting period. The increase or decrease in the accrued amount shall be recorded in the income statement.

Foreign currencies

The Company applies the method of recording foreign exchange differences in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 10 (VAS 10) "Effects of changes in foreign exchange rates" and Circular No. 179/2012/TT-BTC dated 24 October 2012 by the Ministry of Finance providing guidance on recognition, measurement and treatment of foreign exchange differences in enterprises. Accordingly, transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies as at the balance sheet date are retranslated at the exchange rates on the same date. Exchange differences arising from the translation of these accounts are recognised in the consolidated income statement. Unrealised exchange gains at the balance sheet date are not treated as part of distributable profit to shareholders.

Borrowing costs

Borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction or production of qualifying assets, which are assets that necessarily take a substantial period of time to get ready for their intended use or sale, are added to the cost of those assets, until such time as the assets are substantially ready for their intended use or sale. Investment income earned on the temporary investment of specific borrowings pending their expenditure on qualifying assets is deducted from the cost of those assets.

All other borrowing costs are recognised in the consolidated income statement when incurred.

Provisions

Provisions are recognised when the Company has a present obligation as a result of a past event, and it is probable that the Company will be required to settle that obligation. Provisions are measured at the management's best estimate of the expenditure required to settle the obligation at the balance sheet date.

Scientific and technological development fund

Scientific and technological development fund is appropriated for scientific and technological activities of the Company in accordance with Circular No. 15/2011/TT-BTC dated 09 February 2011 issued by the Ministry of Finance. The annually appropriated amount is approved by the Board of Directors based on the annual budget proposed for scientific and technological activities and will not exceed 10% of taxable income. The appropriated amount is charged to the aggregated income statement for the year.

The amount appropriated to scientific and technological development fund is eligible for corporate income tax deduction. For subsequent 5 years from the year the fund is appropriated, if scientific and technological development fund is unused or used up to 70% used for improper purposes, the Company will have to pay the State budget the corporate income tax associated with the income that was deducted for the fund appropriation but unused or used up to 70% or used for improper purpose and interest arising from such corporate income tax.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from net profit as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Deferred tax is recognised on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the consolidated financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognised for all temporary differences and deferred tax assets are recognised to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilised. The Company did not recognise deferred tax as at 31 December 2012 because there was no significant temporary difference between carrying amounts of assets and liabilities in the consolidated financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the period when the liability is settled or the asset realised. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5 - TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	651,947,729	537,375,431
Tiền gửi ngân hàng	14,102,433,887	16,845,573,271
Các khoản tương đương tiền (*)	36,595,745,463	89,947,500,031
	51,350,127,079	107,330,448,733

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn tại bất kỳ thời điểm nào.

6 - ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm.

7 - HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	5,458,723,124	16,532,480,512
Nguyên liệu, vật liệu	148,273,840,909	137,053,843,238
Công cụ, dụng cụ	11,400,000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	874,533,281	1,424,337,193
Thành phẩm	136,792,109,781	130,302,461,941
Hàng hóa	5,927,434,861	7,089,082,822
Hàng gửi đi bán	587,751	12,969,859
	297,338,629,707	292,415,175,565

8 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	175,122,173,691	196,675,792,014	6,777,731,716	17,820,667,411	8,651,523,793	405,047,888,625
Tăng trong kỳ	1,930,871,428	8,946,135,059	345,082,127	1,145,981,818	156,270,000	12,524,340,432
Điều chỉnh theo quyết toán công trình (*)	6,117,941,129	-	74,885,455	-	-	(6,043,055,674)
Phân loại lại	(14,039,000)	-	5,180,648,468	-	9,505,200,664	-
Phân loại sang chi phí trả trước (**)	(14,685,849,132)	(2,837,726,142)	(909,438,523)	-	(113,662,993)	(3,874,866,658)
Thanh lý	(115,272,036)	(90,000,000)	-	-	-	(205,272,036)
Tại ngày 31/12/2013	156,119,943,822	202,694,200,931	11,468,909,243	18,966,649,229	18,199,331,464	407,449,034,689
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	20,873,339,450	99,104,224,052	6,438,973,289	4,347,736,677	1,902,530,815	132,666,804,283
Trích vào chi phí trong kỳ	6,177,405,474	14,714,907,105	1,780,822,048	1,999,918,485	2,396,787,202	27,069,840,314
Phân loại lại	(1,983,288)	-	107,930,176	-	198,025,014	-
Phân loại sang chi phí trả trước (**)	(305,955,190)	(2,223,777,053)	(585,064,958)	-	(31,161,026)	(2,841,986,325)
Thanh lý	(88,375,247)	(93,257,368)	-	-	-	(181,632,615)
Tại ngày 31/12/2013	26,654,431,199	111,502,096,736	7,742,660,555	6,347,655,162	4,466,182,005	156,713,025,657
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	129,465,512,623	91,192,104,195	3,726,248,688	12,618,994,067	13,733,149,459	250,736,009,032
Tại ngày 31/12/2012	154,248,834,241	97,571,567,962	338,758,427	13,472,930,734	6,748,992,978	272,381,084,342

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

5 - CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Cash on hand	651,947,729	537,375,431
Cash in bank	14,102,433,887	16,845,573,271
Cash equivalents (*)	36,595,745,463	89,947,500,031
	51,350,127,079	107,330,448,733

(*) Cash equivalents comprise deposits with terms within 3 months. These deposits earn fixed interest rates and can be converted to demand deposits at any time.

6 - SHORT-TERM INVESTMENTS

7 - INVENTORIES

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Goods in transit	5,458,723,124	16,532,480,512
Raw materials	148,273,840,909	137,053,843,238
Tools and supplies	11,400,000	-
Work in progress	874,533,281	1,424,337,193
Finished goods	136,792,109,781	130,302,461,941
Merchandise	5,927,434,861	7,089,082,822
Goods on consignment	587,751	12,969,859
	297,338,629,707	292,415,175,565

8 - TANGIBLE FIXED ASSETS

COST	Buildings and structures VND	Machinery and equipment VND	Office equipment VND	Motor vehicles VND	Others VND	Total VND
As at 01/01/2013	175,122,173,691	196,675,792,014	6,777,731,716	17,820,667,411	8,651,523,793	405,047,888,625
Additions	1,930,871,428	8,946,135,059	345,082,127	1,145,981,818	156,270,000	12,524,340,432
Adjustment upon constructions finalization (*)	6,117,941,129	-	74,885,455	-	-	(6,043,055,674)
Reclassification	(14,039,000)	-	5,180,648,468	-	9,505,200,664	-
Transfer into prepaid expense (**)	(14,685,849,132)	(2,837,726,142)	(909,438,523)	-	(113,662,993)	(3,874,866,658)
Disposal	(115,272,036)	(90,000,000)	-	-	-	(205,272,036)
As at 31/12/2013	156,119,943,822	202,694,200,931	11,468,909,243	18,966,649,229	18,199,331,464	407,449,034,689
ACCUMULATED DEPRECIATION						
As at 01/01/2013	20,873,339,450	99,104,224,052	6,438,973,289	4,347,736,677	1,902,530,815	132,666,804,283
Charge for the period	6,177,405,474	14,714,907,105	1,780,822,048	1,999,918,485	2,396,787,202	27,069,840,314
Reclassification	(1,983,288)	-	107,930,176	-	198,025,014	-
Transfer into prepaid expense (**)	(305,955,190)	(2,223,777,053)	(585,064,958)	-	(31,161,026)	(2,841,986,325)
Disposal	(88,375,247)	(93,257,368)	-	-	-	(181,632,615)
As at 31/12/2013	26,654,431,199	111,502,096,736	7,742,660,555	6,347,655,162	4,466,182,005	156,713,025,657
NET BOOK VALUE						
As at 31/12/2013	129,465,512,623	91,192,104,195	3,726,248,688	12,618,994,067	13,733,149,459	250,736,009,032
As at 31/12/2012	154,248,834,241	97,571,567,962	338,758,427	13,472,930,734	6,748,992,978	272,381,084,342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

8 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

(*) Điều chỉnh giảm nguyên giá công trình Văn phòng và Nhà máy tại Hưng Yên, công trình này đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 11 năm 2012. Việc điều chỉnh giảm dựa trên quyết toán công trình và biên bản thanh lý hợp đồng với nhà cung cấp trong năm 2013.

(**) Giá trị tài sản giảm do áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, các tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu VND được kết chuyển sang theo dõi như chi phí trả trước và phân bổ giá trị còn lại không quá 3 năm.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 40.964.304.626 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 34.467.065.094 VND).

9 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	23,494,500,000	7,831,500,000	5,452,794,189	686,893,687	37,465,687,876
Tăng trong năm	-	-	582,960,000	-	582,960,000
Tại ngày 31/12/2013	23,494,500,000	7,831,500,000	6,035,754,189	686,893,687	38,048,647,876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	11,086,233,347	5,249,686,520	1,728,093,817	567,781,856	18,631,795,540
Phân loại lại	145,786,401	-	9,552,433	(155,338,834)	-
Trích vào chi phí trong năm	1,226,248,025	516,362,635	613,192,198	173,337,298	2,529,140,156
Tại ngày 31/12/2013	12,458,267,773	5,766,049,155	2,350,838,448	585,780,320	21,160,935,696
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	11,036,232,227	2,065,450,845	3,684,915,741	101,113,367	16,887,712,180
Tại ngày 31/12/2012	12,408,266,653	2,581,813,480	3,724,700,372	119,111,831	18,833,892,336

10 - CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lắp đặt hệ thống POS	-	1,809,376,364
Xây dựng Nhà máy Hưng Yên (*)	7,245,000,000	-
	7,245,000,000	1,809,376,364

11 - ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 tương đương 2.638.200.000 VND, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

12 - CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
Tiền thuê Showroom Keangnam	8,742,325,475	9,196,375,639
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	2,263,186,852	5,855,773,568
Thiết bị quản lý văn phòng	2,181,874,323	363,950,412
Khác	1,078,914,663	59,389,652
	14,266,301,313	15,475,489,271

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

8 - TANGIBLE FIXED ASSETS

(*) Represents reduction in building and construction cost of factory and office building in Hung Yen, which were completed in November 2012, upon the final accounts of construction and contract termination minute signed in year 2013.

(**) Represent decrease in value of fixed assets due to adoption of Circular No. 45/2013/TT-BTC ("Circular 45") guiding the regime of management, usage and depreciation of fixed assets. Accordingly, the fixed assets which have cost of less than VND 30 million will be classified as prepayments and their carrying amounts will be allocated to the operation results within a period of not exceeding 3 years.

As at 31 December 2013, the fixed assets includes VND 40,964,304,626 (31 December 2012: VND 34,467,065,094) of assets which have been fully depreciated but are still in use.

9 - INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Trademark VND	Distribution channel VND	Computer software VND	Others VND	Total VND
COST					
As at 01/01/2013	23,494,500,000	7,831,500,000	5,452,794,189	686,893,687	37,465,687,876
Addition	-	-	582,960,000	-	582,960,000
As at 31/12/2013	23,494,500,000	7,831,500,000	6,035,754,189	686,893,687	38,048,647,876
ACCUMULATED AMORTISATION					
As at 01/01/2013	11,086,233,347	5,249,686,520	1,728,093,817	567,781,856	18,631,795,540
Reclassification	145,786,401	-	9,552,433	(155,338,834)	-
Charge for the period	1,226,248,025	516,362,635	613,192,198	173,337,298	2,529,140,156
As at 31/12/2013	12,458,267,773	5,766,049,155	2,350,838,448	585,780,320	21,160,935,696
NET BOOK VALUE					
As at 31/12/2013	11,036,232,227	2,065,450,845	3,684,915,741	101,113,367	16,887,712,180
As at 31/12/2012	12,408,266,653	2,581,813,480	3,724,700,372	119,111,831	18,833,892,336

10 - CONSTRUCTION IN PROGRESS

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Point of Sales System	-	1,809,376,364
Acquisition of fixed assets - Hoa Binh Branch	7,245,000,000	-
	7,245,000,000	1,809,376,364

11 - OTHER LONG-TERM INVESTMENTS

Other long-term investments represent an investment in 172,000 shares of Bac Ninh Pharmaceuticals Joint Stock Company, par value is 10,000 VND/share at the cost of VND 2,638,200,000.

12 - LONG-TERM PREPAYMENTS

	31/12/2013	31/12/2012
Showroom rentals at Keangnam	8,742,325,475	9,196,375,639
Tools and dies for production	2,263,186,852	5,855,773,568
Office equipment	2,181,874,323	363,950,412
Others	1,078,914,663	59,389,652
	14,266,301,313	15,475,489,271

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

13 - VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương Tín	-	959,991,922
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	-	22,446,341,300
Ngân hàng Kookmin bank Cambodia PLC (i)	841,440,000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	-	6,536,600,017
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	-	7,769,471,426
Ông Lee Kyung Sung (ii)	470,000,000	1,170,000,000
	1,311,440,000	38,882,404,665

(i) Khoản vay Ngân Hàng Kookmin Bank Cambodia PLC trong vòng 12 tháng với lãi suất là 5%/năm, Khoản vay sẽ đáo hạn vào tháng 11 năm 2014.
(ii) Các khoản vay ngắn hạn không có bảo đảm từ ông Lee Kyung Sung, để bổ sung vốn lưu động với lãi suất từ 9,6%/năm đến 12%/năm.

14 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3,946,312,171	1,999,857,149
Thuế xuất, nhập khẩu	-	258,446,547
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24,701,550,643	35,119,795,728
Thuế thu nhập cá nhân	789,932,744	690,110,282
Các loại thuế khác	18,682,455	80,258,390
	29,456,478,013	38,148,468,096

15 - CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả cổ tức bằng tiền mặt	101,534,500	684,813,000
Phải trả xây dựng nhà máy Hưng Yên II	-	19,022,933,038
Phải trả khác	4,797,762,527	5,474,234,781
	4,899,297,027	25,181,980,819

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

13 - SHORT-TERM LOANS AND LIABILITIES

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Sacombank	-	959,991,922
ANZ Bank (Vietnam) Limited	-	22,446,341,300
Kookmin Bank Cambodia Plc	841,440,000	-
Bank of Foreign Trade of Vietnam- Hung Yen branch (i)	-	6,536,600,017
HSBC Bank (Vietnam) Ltd.	-	7,769,471,426
Mr Lee Kyung Sung (ii)	470,000,000	1,170,000,000
	1,311,440,000	38,882,404,665

(i) Unsecured short-term loan from Kookmin Bank Cambodia PLC for 12 months ended November 2014, bearing interest rate at 5% per annum.
(ii) Short-term loans from Mr. Lee Kyung Sung to supplement working capital with interest rates from 9.6% per annum to 12% per annum.

14 - TAXES AND AMOUNTS PAYABLE TO THE STATE BUDGET

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Value added tax	3,946,312,171	1,999,857,149
Import and export duties	-	258,446,547
Corporate income tax	24,701,550,643	35,119,795,728
Personal income tax	789,932,744	690,110,282
Other taxes	18,682,455	80,258,390
	29,456,478,013	38,148,468,096

15 - OTHER PAYABLE

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Cash dividend payable	101,534,500	684,813,000
Payables of Hung Yen II Factory construction	-	19,022,933,038
Others	4,797,762,527	5,474,234,781
	4,899,297,027	25,181,980,819

16 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Thặng dư vốn cổ		Cổ phiếu quỹ	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	Vốn điều lệ VND	phần VND					
Số dư tại ngày 01/01/2012	234,019,860,000	191,000,000,000	(2,462,123,000)	4,294,382,346	-	264,673,103,731	691,525,223,077
Phát hành cổ phiếu	45,845,320,000	-	-	-	-	-	45,845,320,000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	74,725,675,970	74,725,675,970
phân phối	-	-	-	7,532,192,855	-	(7,532,192,855)	-
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(80,229,399,000)	(80,229,399,000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(8,029,311,356)	-	-	-	(8,029,311,356)
Giảm khác	-	-	-	(2,815,775,800)	(34,961,714)	(2,850,737,514)	(2,850,737,514)
Số dư tại ngày 01/01/2013	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	9,010,799,401	-	251,602,226,132	720,986,771,177
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	85,254,560,405	85,254,560,405
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (i)	-	-	-	3,803,215,799	-	(3,803,215,799)	-
Cổ tức đã chia (ii)	-	-	-	-	-	(27,507,218,000)	(27,507,218,000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	32,749,178	-	32,749,178
Giảm khác (iii)	-	-	-	(1,780,176,423)	-	285,279,106	(1,494,897,317)
Số dư tại ngày 31/12/2013	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	11,033,838,777	32,749,178	305,831,631,844	777,271,965,443

(i) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 29 tháng 3 năm 2013, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được tăng thêm 3.803.215.799 VND tương đương với 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2012.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 29 tháng 3 năm 2013, Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt bằng 10% mệnh giá (1.000 VND/1 cổ phiếu).

(iii) Chi quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trả cho các hoạt động của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 04 tháng 9 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 279.865.180.000 VND, tương ứng với 27.986.518 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh			Vốn thực góp tại ngày 31/12/2013	
	%	Số cổ phiếu	Số tiền VND	%	Số tiền VND
Ông Lee Jae Eun	15.92%	4,455,857	44,558,574,944	15.98%	44,722,455,764
Quý Đầu tư Red River Holdings	12.26%	3,431,564	34,315,636,232	12.30%	34,423,417,140
Ngân hàng Thương Mại cổ phần tiên phong	-	-	-	10.22%	28,602,221,396
Quý thành viên Việt Nhật	-	-	-	6.43%	17,995,331,074
Các cổ đông khác	71.82%	20,099,097	200,990,968,824	55.07%	154,121,754,626
	100%	27,986,518	279,865,180,000	100%	279,865,180,000

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27,986,518	27,986,518
Số lượng cổ phiếu quỹ	479,300	479,300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,507,218	27,507,218

16 - SHAREHOLDERS' EQUITY

Movement in shareholders' equity

	Charter capital	Share premium	Treasury shares	Other shareholders' funds	Foreign exchange reserve	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Balance as at 01/01/2012	234,019,860,000	191,000,000,000	(2,462,123,000)	4,294,382,346	-	264,673,103,731	691,525,223,077
Issuance of shares	45,845,320,000	-	-	-	-	-	45,845,320,000
Profit for the period	-	-	-	-	-	74,725,675,970	74,725,675,970
Fund distribution	-	-	-	7,532,192,855	-	(7,532,192,855)	-
Dividends declared	-	-	-	-	-	(80,229,399,000)	(80,229,399,000)
Purchase of treasury shares	-	-	(8,029,311,356)	-	-	-	(8,029,311,356)
Other decreases	-	-	-	(2,815,775,800)	-	(34,961,714)	(2,850,737,514)
Balance as at 01/01/2013	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	9,010,799,401	-	251,602,226,132	720,986,771,177
Profit for the year	-	-	-	-	-	85,254,560,405	85,254,560,405
Fund distribution (i)	-	-	-	3,803,215,799	-	(3,803,215,799)	-
Dividends declared (ii)	-	-	-	-	-	(27,507,218,000)	(27,507,218,000)
Exchange rate difference	-	-	-	-	32,749,178	-	32,749,178
Other decreases (iii)	-	-	-	(1,780,176,423)	-	285,279,106	(1,494,897,317)
Balance as at 31/12/2013	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	11,033,838,777	32,749,178	305,831,631,844	777,271,965,443

(i) As approved in the Resolution of the Annual General Shareholders' Meeting on 29 March 2013, retained earnings at VND 3,803,215,799, equivalent to 5% of 2012 profit after tax had been distributed to other shareholder's fund.

(ii) According to Resolution of the 2013 Annual General Shareholders' Meeting dated 29 March 2013, the Company's Shareholders decided to pay cash dividends for the year 2012 at the rate of 10% share nominal amount.

(iii) Payments of other reserves were disbursed for the Company's other activities.

Charter Capital

Under the amended Investment Certificate dated 04 September 2012, the Company's charter capital is VND 279,865,180,000, equivalent to 27,986,518 common shares with par value of VND 10,000 per share value. As at 31 December 2013, the charter capital has been fully contributed by the shareholders as follows:

Shareholders	Per amended Investment Certificate			Contributed capital as at 31/12/2013	
	%	Shares	Amount VND	%	Amount VND
Mr. Lee Jae Eun	15.92%	4,455,857	44,558,574,944	15.98%	44,722,455,764
Red River Holdings Capital Limited	12.26%	3,431,564	34,315,636,232	12.30%	34,423,417,140
Tien Phong Joint Stock Commercial Bank	-	-	-	10.22%	28,602,221,396
Viet Nhat Member Fund	-	-	-	6.43%	17,995,331,074
Other shareholders	71.82%	20,099,097	200,990,968,824	55.07%	154,121,754,626
	100%	27,986,518	279,865,180,000	100%	279,865,180,000

	31/12/2013	31/12/2012
Number of shares issued to the public	27,986,518	27,986,518
Number of treasury shares	479,300	479,300
Number of outstanding shares in circulation	27,507,218	27,507,218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

17 - BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác. Công ty có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam và Cam-pu-chia, trong đó, tỷ lệ tài sản và doanh thu của Công ty con tại Cam-pu-chia chiếm dưới 10% trên tổng tài sản, doanh thu của công ty mẹ. Theo đó, Công ty và công ty con được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính.

18 - DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm	430,624,102,292	464,951,906,462
Doanh thu thành phẩm bông	226,922,816,339	149,968,958,000
Doanh thu chăn bông	56,080,452,581	45,232,888,447
Doanh thu bán hàng hóa khác	38,969,527,053	20,618,299,957
Tổng	752,596,898,265	680,772,052,866
Các khoản giảm trừ doanh thu	2,094,168,369	343,682,356
Hàng bán bị trả lại	2,094,168,369	343,682,356
Doanh thu thuần về bán hàng	750,502,729,896	680,428,370,510

19 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn thành phẩm chăn ga, đệm	294,508,088,251	288,288,657,958
Giá vốn thành phẩm bông	133,743,143,505	101,308,774,798
Giá vốn chăn bông	30,559,304,723	28,376,686,734
Giá vốn bán hàng hóa khác	15,470,684,484	28,766,330,192
Tổng	474,281,220,963	446,812,449,682

20 - CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	392,580,439,413	280,520,242,461
Chi phí nhân công	124,230,225,845	103,300,655,738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29,598,980,470	21,762,794,079
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67,511,917,981	56,931,479,136
Chi phí khác bằng tiền	29,075,230,055	34,227,634,004
Tổng	642,996,793,765	496,742,805,418

21- DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	8,336,118,710	11,327,565,209
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,840,522,736	2,016,668,738
Cổ tức, lợi nhuận được chia	143,970,411	88,000,000
Doanh thu tài chính khác	37,943,608	19,621,817
Tổng	10,358,555,465	13,451,855,764

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

17 - BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS

The principal activities of the Company are to produce non-knitting, filter cloth, wool, blanket, bedding, padding, pillow, knapsack, bags, underclothing and other garment products. The Company's operations are located in Vietnam and Cambodia. The subsidiary's assets and sales in Cambodia account for less than 10% of the Company's total assets and sales. Accordingly, the Company and the subsidiary are considered as a reporting segment.

18 - NET REVENUE FROM GOODS SOLD

	2013 VND	2012 VND
Sales of bedding products	430,624,102,292	464,951,906,462
Sales of padding products	226,922,816,339	149,968,958,000
Sales of quilting products	56,080,452,581	45,232,888,447
Other sales	38,969,527,053	20,618,299,957
Total	752,596,898,265	680,772,052,866
Deductions:		
Sales return	2,094,168,369	343,682,356
	2,094,168,369	343,682,356
Net revenue from goods sold	750,502,729,896	680,428,370,510

19 - COST OF GOODS SOLD

	2013 VND	2012 VND
Cost of bedding products sold	294,508,088,251	288,288,657,958
Cost of padding products sold	133,743,143,505	101,308,774,798
Cost of quilting products sold	30,559,304,723	28,376,686,734
Other cost of sales	15,470,684,484	28,766,330,192
Tổng	474,281,220,963	446,812,449,682

20 - PRODUCTION COST BY NATURE

	2013 VND	2012 VND
Raw materials and consumables	392,580,439,413	280,520,242,461
Labour	124,230,225,845	103,300,655,738
Depreciation and amortisation	29,598,980,470	21,762,794,079
Out-sourced services	67,511,917,981	56,931,479,136
Other monetary expenses	29,075,230,055	34,227,634,004
Tổng	642,996,793,765	496,742,805,418

21 - FINANCIAL INCOME

	2013 VND	2012 VND
Interest income	8,336,118,710	11,327,565,209
Foreign exchange gain	1,840,522,736	2,016,668,738
Dividend income	143,970,411	88,000,000
Other financial revenue	37,943,608	19,621,817
Tổng	10,358,555,465	13,451,855,764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

22 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	1,716,445,439	2,657,416,827
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,125,134,655	2,144,229,821
	4,841,580,094	4,801,646,648

23 - LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2013	2012
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:		
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	85,254,560,405	74,725,675,970
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	27,507,218	24,515,401
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3,099	3,048
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10,000	10,000

24 - CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	1,311,440,000	38,882,404,665
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	51,350,127,079	107,330,448,733
Nợ thuần	(50,038,687,079)	(68,448,044,068)
Vốn chủ sở hữu	777,271,965,443	720,986,771,177
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

22 - FINANCIAL EXPENSES

	2013	2012
	VND	VND
Interest expense	1,716,445,439	2,657,416,827
Foreign exchange loss	3,125,134,655	2,144,229,821
	4,841,580,094	4,801,646,648

23 - BASIC EARNINGS PER SHARE

	2013	2012
Earnings for the purposes of calculating basic earnings per share:		
Profit for the year attributable to equity holders of the Company (VND)	85,254,560,405	74,725,675,970
Weighted average number of ordinary shares for the purposes of calculating basic earnings per share (shares)	27,507,218	24,515,401
Basic earnings per share (VND)	3,099	3,048
Par value (VND)	10,000	10,000

24 - FINANCIAL INSTRUMENTS

Capital risk management

The Company manages its capital to ensure that the Company will be able to continue as a going concern while maximising the return to shareholders through the optimisation of the debt and equity balance.

The capital structure of the Company consists of net debt (borrowings disclosed in Note 13, offset by cash and cash equivalents) and shareholders' equity attributable to shareholders (comprising capital, reserves and retained earnings).

Gearing ratio

The gearing ratio of the Company as at the balance sheet date was as follows:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Borrowings	1,311,440,000	38,882,404,665
Less: Cash and cash equivalents	51,350,127,079	107,330,448,733
Net debt	(50,038,687,079)	(68,448,044,068)
Equity	777,271,965,443	720,986,771,177
Net debt to equity ratio	-	-

Significant accounting policies

Details of the significant accounting policies and methods adopted (including the criteria for recognition, the bases of measurement, and the bases for recognition of income and expenses) for each class of financial asset, financial liability and equity instrument are disclosed in Note 4.

24 - CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	51,350,127,079	107,330,448,733
Đầu tư ngắn hạn	105,858,839,889	75,903,746,164
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112,481,660,183	71,751,636,351
Đầu tư dài hạn	2,638,200,000	1,397,200,000
Tổng cộng	272,328,827,151	256,383,031,248
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	1,311,440,000	38,882,404,665
Phải trả người bán và phải trả khác	45,786,412,101	64,914,043,424
Chi phí phải trả	2,149,275,855	1,438,135,032
Phải trả dài hạn khác	821,868,000	321,868,000
Tổng cộng	50,068,995,956	105,556,451,121

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	23,376,136,691	49,551,998,067	50,081,097,172	61,932,843,097

24 - FINANCIAL INSTRUMENTS

Categories of financial instruments

	Carrying amount	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Financial assets		
Cash and cash equivalents	51,350,127,079	107,330,448,733
Short-term investments	105,858,839,889	75,903,746,164
Trade and other receivables	112,481,660,183	71,751,636,351
Long-term investments	2,638,200,000	1,397,200,000
Total	272,328,827,151	256,383,031,248
Financial liabilities		
Short-term loans	1,311,440,000	38,882,404,665
Trade payables and other payables	45,786,412,101	64,914,043,424
Accruals	2,149,275,855	1,438,135,032
Other long-term payable	821,868,000	321,868,000
Total	50,068,995,956	105,556,451,121

The Company has not assessed fair value of its financial assets and liabilities as at the consolidated balance date since there are no comprehensive guidance under Circular No. 210/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 06 November 2009 ("Circular 210") and other relevant prevailing regulations to determine fair value of these financial assets and liabilities. While Circular 210 refers to the application of International Financial Reporting Standards ("IFRS") on presentation and disclosures of financial instruments, it did not adopt the equivalent guidance for the recognition and measurement of financial instruments, including application of fair value, in accordance with IFRS.

Financial risk management objectives

The Company has set up risk management system to identify and assess the risks exposed by the Company and designed control policies and procedures to manage those risks at an acceptable level. Risk management system is reviewed on a regular basis to reflect changes in market conditions and the Company's operations.

Financial risks include market risk (including foreign currency risk and price risk), credit risk and liquidity risk.

Market risk

The Company's activities expose it primarily to the financial risks of changes in foreign currency exchange rates and prices. The Company does not hedge these risk exposures due to the lack of any market to purchase financial instruments.

Foreign currency risk management

The Company undertakes certain transactions denominated in foreign currencies; consequently, exposures to exchange rate fluctuations arise.

The carrying amounts of the Company's foreign currency denominated monetary assets and monetary liabilities at the end of the reporting year are as follows:

	Liabilities		Assets	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
United States Dollars (USD)	23,376,136,691	49,551,998,067	50,081,097,172	61,932,843,097

24 - CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam thay đổi 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/(giảm) các khoản tương ứng như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	2,670,496,048	1,238,084,503
	2,670,496,048	1,238,084,503

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiến mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

24 - FINANCIAL INSTRUMENTS

Foreign currency sensitivity analysis

The Company is mainly exposed to United States Dollar and Euro

The following table details the Company's sensitivity to a 10% change in Vietnam Dong against the relevant foreign currencies. 10% is the sensitivity rate used when reporting foreign currency risk internally to key management personnel and represents management's assessment of the reasonably possible change in foreign exchange rates. The sensitivity analysis includes only outstanding foreign currency denominated monetary items and adjusts their translation at the period end for a 10% change in foreign currency rates. For a 10% change in the following foreign currencies against Vietnam Dong, the profit/(loss) before tax in the year would increase/decrease as follows:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
United States Dollars (USD)	2,670,496,048	1,238,084,503
	2,670,496,048	1,238,084,503

Share price risk management

Shares held by the Company are affected by market risks arising from the uncertainty about future prices of such shares. The Company manages this risk exposure by setting up investment limits. The Company's Board of Management also assesses and approves decisions on share investments such as operating industry, investees, etc. The Company assesses the share price risk to be immaterial.

The Company is also exposed to equity price risks arising from investments in subsidiaries and associates. The Company's Board of Management assesses and approves decisions on investments in subsidiaries and associates such as operating industry, investees, etc. Investments in subsidiaries and associates are held for long-term strategic investments rather than trading purposes.

Commodity price risk management

The Company purchases materials from local and foreign suppliers for business purpose. Therefore, the Company is exposed to the risk of changes in selling prices of materials. The Company does not hedge this risk due to the lack of any market to purchase such instruments.

Credit risk

Credit risk refers to the risk that counterparty will default on its contractual obligations resulting in financial loss to the Company. The Company has a credit policy in place and the exposure to credit risk is monitored on an on-going basis. The Company does not have any significant credit risk exposure to any counterparty because receivables consist of a large number of customers, spread across diverse industries and geographical areas.

Liquidity risk management

The purpose of liquidity risk management is to ensure the availability of funds to meet present and future financial obligations. Liquidity is also managed by ensuring that the excess of maturing liabilities over maturing assets in any period is kept to manageable levels relative to the amount of funds that the Company believes can generate within that period. The Company's policy is to regularly monitor current and expected liquidity requirements to ensure that the Company maintains sufficient reserves of cash, borrowings and adequate committed funding from its shareholders to meet its liquidity requirements in the short and longer term.

The following table details the Company's remaining contractual maturity for its non-derivative financial assets and financial liabilities with agreed repayment periods. The tables have been drawn up based on the undiscounted cash flows of financial assets and undiscounted cash flows of financial liabilities based on the earliest date on which the Company can be required to pay. The inclusion of information on non-derivative financial assets is necessary in order to understand the Company's liquidity risk management as the liquidity is managed on a net asset and liability basis.

24 - CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro thanh khoản

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	51,350,127,079	-	51,350,127,079
Đầu tư ngắn hạn	105,858,839,889	-	105,858,839,889
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112,481,660,183	-	112,481,660,183
Đầu tư dài hạn	-	2,638,200,000	2,638,200,000
Tổng cộng	269,690,627,151	2,638,200,000	272,328,827,151

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Vay ngắn hạn	1,311,440,000	-	1,311,440,000
Phải trả người bán và phải trả khác	45,786,412,101	-	45,786,412,101
Chi phí phải trả	2,149,275,855	-	2,149,275,855
Phải trả dài hạn khác	-	821,868,000	821,868,000
Tổng cộng	49,247,127,956	821,868,000	50,068,995,956

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Chênh lệch thanh khoản thuần	220,443,499,195	1,816,332,000	222,259,831,195

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	107,330,448,733	-	107,330,448,733
Đầu tư ngắn hạn	75,903,746,164	-	75,903,746,164
Phải thu khách hàng và phải thu khác	71,751,636,351	-	71,751,636,351
Đầu tư dài hạn	-	1,397,200,000	1,397,200,000
Tổng cộng	254,985,831,248	1,397,200,000	256,383,031,248

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Vay ngắn hạn	38,882,404,665	-	38,882,404,665
Phải trả người bán	64,914,043,424	-	64,914,043,424
Chi phí phải trả	1,438,135,032	-	1,438,135,032
Phải trả dài hạn khác	-	321,868,000	321,868,000
Tổng cộng	105,234,583,121	321,868,000	105,556,451,121

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Chênh lệch thanh khoản thuần	149,751,248,127	1,075,332,000	150,826,580,127

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24 - FINANCIAL INSTRUMENTS

Liquidity risk management

31/12/2013	Less than 1 year VND	From 1 - 5 years VND	Total VND
Cash and cash equivalents	51,350,127,079	-	51,350,127,079
Short-term investments	105,858,839,889	-	105,858,839,889
Trade and other receivables	112,481,660,183	-	112,481,660,183
Long-term investments	-	2,638,200,000	2,638,200,000
Total	269,690,627,151	2,638,200,000	272,328,827,151

31/12/2013	Less than 1 year VND	From 1 - 5 years VND	Total VND
Short-term loans	1,311,440,000	-	1,311,440,000
Trade payables and other payables	45,786,412,101	-	45,786,412,101
Accruals	2,149,275,855	-	2,149,275,855
Other long-term payables	-	821,868,000	821,868,000
Total	49,247,127,956	821,868,000	50,068,995,956

	Less than 1 year VND	From 1 - 5 years VND	Total VND
Net liquidity gap	220,443,499,195	1,816,332,000	222,259,831,195

31/12/2012	Less than 1 year VND	From 1 - 5 years VND	Total VND
Cash and cash equivalents	107,330,448,733	-	107,330,448,733
Short-term investments	75,903,746,164	-	75,903,746,164
Trade and other receivables	71,751,636,351	-	71,751,636,351
Long-term investments	-	1,397,200,000	1,397,200,000
Total	254,985,831,248	1,397,200,000	256,383,031,248

31/12/2012	Less than 1 year VND	From 1 - 5 years VND	Total VND
Short-term loans	38,882,404,665	-	38,882,404,665
Trade payables and other payables	64,914,043,424	-	64,914,043,424
Accruals	1,438,135,032	-	1,438,135,032
Other long-term payables	-	321,868,000	321,868,000
Total	105,234,583,121	321,868,000	105,556,451,121

	Less than 1 year VND	From 1 - 5 years VND	Total VND
Net liquidity gap	149,751,248,127	1,075,332,000	150,826,580,127

The management assessed the liquidity risk concentration at low level. The management believes that the Company will be able to generate sufficient funds to meet its financial obligations as and when they fall due.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

25 - NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Lương gộp và các quyền lợi khác	15,193,145,630	12,096,400,754

26 - SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2014

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

25 - RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

Directors' remuneration:

Remuneration paid to the Company's directors during the year was as follows:

	2013	2012
	VND	VND
Gross salaries and other benefits	15,193,145,630	12,096,400,754

26 - COMPARATIVE FIGURES

Comparative figures are those presented in the Company's audited consolidated financial statements for the year ended 31 December 2012.



Lee Jae Eun
General Director

Hanoi, 18 March 2014

Cho Yong Hwan
Deputy General Director
in charge of Finance

Nguyen Bao Ngoc
Preparer

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT / ABBREVIATION

B/D	Chăn ga gối đệm	Bedding
P/D	Bông tắm	Padding
Q/T	Bông chăn	Quilting
EPS	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	Earnings Per Share
ROA	Hệ số thu nhập trên tài sản	Return on Assets
ROE	Hệ số thu nhập trên Vốn chủ sở hữu	Return on Equity
ROS	Hệ số thu nhập trên doanh thu	Return on Sales
Everpia Việt Nam Everpia Vietnam	Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam	Everpia Vietnam Joint stock company
HĐQT / BOM	Hội đồng quản trị	Board of Management
TGD / BOD	Ban Tổng giám đốc	Board of Directors
HOSE	Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh	Hochiminh Stock Exchange
NC&PT / R&D	Nghiên Cứu và Phát triển	Research and Development
CM	Hoạt động gia công	Cut & Making
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng	Consumer Price Index
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	Gross Domestic Product
AG	Đại lý độc quyền tại Hà Nội hoặc TP. Hồ Chí Minh	Exclusive agent in Hanoi and Hochiminh city
DB	Đại lý tỉnh	Distributor in provinces
GDB	Tổng đại lý tỉnh	General Distributor in provinces

LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC / NOTE TO READERS

- Mọi thông tin tài chính liên quan trong báo cáo này đều lấy nguồn từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2011 của công ty CP Everpia Việt Nam.

All herein financial information originated from the Audited Consolidated Financial Statement in 2011 of Everpia Vietnam JSC.

- Các thông tin về thị trường, về năng lực sản xuất đều lấy nguồn nội bộ công ty cổ phần Everpia Việt Nam. Các nhận định trong Báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra Báo cáo.

Herein marketing & production capacity information is from Everpia Vietnam's internal report. All cautiously analysed statements are appropriate as of the publication date according to our subjective assessments.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ANNUAL REPORT 2013



Everpia Vietnam JSC.

Mọi câu hỏi liên quan đến Công ty cổ phần Everpia Việt Nam, Quý cổ đông và các nhà đầu tư có thể liên hệ theo địa chỉ sau:

PHÒNG KẾ HOẠCH

CTCP Everpia Việt Nam

Địa chỉ: Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội

ĐT: (04) 3827 6490 (Máy lẻ: 347)

Fax: (04) 3678 2030

Website: www.everpia.vn

Email: info@everpia.vn

Investors who have any questions about their investment in Everpia Vietnam or about Everpia Vietnam in general, may write to Planning Team as follows:

PLANNING TEAM

Everpia Vietnam JSC.

Add: Duong Xa, Gia Lam, Hanoi

Tel: (+84-4) 3827 6490 (ext: 347)

Fax: (+84-4) 3678 2030

Website: www.everpia.vn

Email: info@everpia.vn